

# Môn LỊCH SỬ

## I – MỤC TIÊU

Môn Lịch sử ở Trung học cơ sở nhằm giúp học sinh đạt được :

### 1. Về kiến thức

- Nắm được những nét chính về quá trình phát triển của lịch sử dân tộc trên cơ sở biết những sự kiện nổi bật nhất của từng thời kì, hiểu được nội dung chủ yếu của mỗi giai đoạn lịch sử nước ta.
- Biết những sự kiện quan trọng, những nội dung cơ bản của lịch sử loài người từ nguồn gốc đến nay, đặc biệt là những sự kiện, những vấn đề liên quan đến lịch sử dân tộc ta và các nước trong khu vực.
- Hiểu biết đơn giản, bước đầu một số nội dung cơ bản của phương pháp luận nhận thức xã hội như : kết cấu xã hội loài người, mối quan hệ giữa các yếu tố trong kết cấu đó, vai trò của sản xuất (vật chất, tinh thần) trong lịch sử, vai trò của quần chúng nhân dân và cá nhân, sự tiến hoá của lịch sử.

### 2. Về kĩ năng

- Bước đầu hình thành các kĩ năng cần cho học tập bộ môn :
  - + Làm việc với sách giáo khoa và các nguồn sử liệu, các loại đồ dùng trực quan phổ biến,...
  - + Phân tích, đánh giá, so sánh các sự kiện lịch sử, nhân vật lịch sử,...
  - + Vận dụng những hiểu biết đã có vào các tình huống học tập và cuộc sống.
- Hình thành năng lực phát hiện, đề xuất và giải quyết các vấn đề trong học tập lịch sử (nêu vấn đề, thu thập, xử lí thông tin, nêu dự kiến giải quyết vấn đề, tổ chức giải quyết vấn đề (thực hiện, dự kiến), thông báo, thông tin về kết quả giải quyết vấn đề).

### 3. Về thái độ

– Có lòng yêu quê hương, đất nước gắn liền với tin yêu chủ nghĩa xã hội, lòng tự hào dân tộc và trân trọng đối với những di sản lịch sử trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước.

– Trân trọng đối với các dân tộc, các nền văn hoá trên thế giới, có tinh thần quốc tế chân chính, yêu chuộng hoà bình, hữu nghị giữa các dân tộc.

– Có niềm tin về sự phát triển từ thấp đến cao, từ lạc hậu đến văn minh của lịch sử nhân loại và lịch sử dân tộc.

– Bước đầu hình thành những phẩm chất cần thiết của người công dân : có thái độ tích cực vì xã hội, vì cộng đồng, yêu lao động, sẵn sàng đi vào lao động, khoa học và kỹ thuật, sống nhân ái, có niềm tin, ý thức kỉ luật và tuân theo luật pháp.

## II – NỘI DUNG

### 1. Kế hoạch dạy học

Lớp	Số tiết/tuần	Số tuần	Tổng số tiết/năm
6	1	35	35
7	2	35	70
8	1,5	35	52,5
9	1,5	35	52,5
Cộng (toàn cấp)		<b>140</b>	<b>210</b>

### 2. Nội dung dạy học từng lớp

#### LỚP 6

$$1 \text{ tiết/tuần} \times 35 \text{ tuần} = 35 \text{ tiết}$$

#### Mở đầu

– Sơ lược về môn Lịch sử.

– Cách tính thời gian trong lịch sử.

## **A – Khái quát lịch sử thế giới nguyên thủy và cổ đại**

Những nét chủ yếu để học sinh có một số hiểu biết về lịch sử các thời kì này.

### *1. Xã hội nguyên thủy*

– Sự xuất hiện của con người.

– Đời sống xã hội thời nguyên thủy.

### *2. Xã hội cổ đại*

– Sự hình thành xã hội có giai cấp và Nhà nước. Nêu tên một số quốc gia cổ đại tiêu biểu.

– Một số thành tựu văn hoá tiêu biểu ở phương Đông và phương Tây cổ đại :

+ Ở phương Đông (lịch, chữ tượng hình, Kim tự tháp, thành Ba-bi-lon,...) ;

+ Ở phương Tây (lịch, chữ cái hệ a,b,c, khoa học, văn học, các di tích kiến trúc tiêu biểu,...).

## **B – Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến đầu thế kỉ X**

Những kiến thức có hệ thống, phát triển những điều đã học ở Tiểu học, làm cơ sở cho sự hiểu biết về lịch sử dân tộc.

### *1. Buổi đầu lịch sử nước ta*

– Những địa điểm và di vật về Người tối cổ trên đất nước ta.

– Đời sống xã hội.

– Sự tan rã của xã hội nguyên thủy.

### *2. Thời kì Văn Lang, Âu Lạc*

– Đôi nét về nước Văn Lang : hoàn cảnh và thời gian ra đời, tổ chức Nhà nước ; đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang, một số phong tục, tập quán tiêu biểu.

– Sự hình thành nhà nước Âu Lạc : hoàn cảnh và thời gian ra đời ; những thay đổi trong đời sống vật chất ; thành Cổ Loa ; sự sụp đổ.

### *3. Thời kì Bắc thuộc và cuộc đấu tranh giành độc lập*

– Sự thống trị của phong kiến phương Bắc. Đời sống của nhân dân ta trong thời kì này.

– Các cuộc khởi nghĩa lớn : Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng (thời gian, địa điểm, người lãnh đạo, diễn biến, kết quả, ý nghĩa lịch sử).

– Nước Cham-pa từ thế kỉ II đến thế kỉ X : sự ra đời ; đời sống kinh tế, xã hội, văn hoá.

### *4. Bước ngoặt lịch sử ở đầu thế kỉ X*

– Cuộc đấu tranh giành quyền tự chủ của họ Khúc, họ Dương. Ý nghĩa của cuộc đấu tranh.

– Ngô Quyền và chiến thắng Bạch Đằng năm 938. Ý nghĩa to lớn của chiến thắng.

*Lịch sử địa phương*

## **LỚP 7**

*2 tiết/tuần × 35 tuần = 70 tiết*

### **A – Khái quát lịch sử thế giới trung đại**

Một số nét sơ giản về thời kì này :

#### *1. Xã hội phong kiến châu Á*

– Sự hình thành xã hội phong kiến ở châu Âu.

– Các cuộc phát kiến lớn về địa lí (nguyên nhân, diễn biến chính, kết quả).

- Sự nảy sinh quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa.
- Phong trào Văn hoá Phục hưng và Cải cách tôn giáo.

## 2. Xã hội phong kiến phương Đông

- Sự hình thành xã hội phong kiến Trung Quốc ; những thành tựu chủ yếu về văn hoá.
- Ấn Độ : những nét tiêu biểu về tiến trình phát triển, những thành tựu chủ yếu về văn hoá.
- Đông Nam Á : các quốc gia phong kiến độc lập ; nét tiêu biểu về văn hoá.

## **B – Lịch sử Việt Nam từ thế kỉ X đến giữa thế kỉ XIX**

### 1. Buổi đầu độc lập thời Ngô–Đinh–Tiền Lê (thế kỉ X)

- Những biểu hiện về ý thức tự chủ của Ngô Quyền trong việc xây dựng đất nước sau khi giành được độc lập.
- Loạn 12 sứ quân (tình trạng, ảnh hưởng).
- Nhà Đinh với việc xây dựng đất nước.
- Bộ máy chính quyền thời Tiền Lê.
- Cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược lần thứ nhất.

### 2. Nước Đại Việt thời Lý (thế kỉ XI – đầu thế kỉ XIII)

- Nhà Lý được thành lập.
- Lý Thái Tổ với việc dời đô ra Thăng Long ; đặt tên nước là Đại Việt ; tổ chức bộ máy chính quyền ; luật pháp và quân đội.
- Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống (1075 – 1077) : âm mưu xâm lược nước ta của nhà Tống ; tổ chức kháng chiến của nhà Lý ; trận chiến trên phòng tuyến sông Như Nguyệt ; kết quả và ý nghĩa cuộc kháng chiến.
- Đời sống kinh tế, văn hoá, giáo dục thời Lý.

### 3. Nước Đại Việt thời Trần (thế kỉ XIII – XIV) và Hồ (đầu thế kỉ XV)

- Nhà Trần được thành lập.
- Tổ chức bộ máy Nhà nước, luật pháp, quân đội thời Trần.
- Ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên : âm mưu của giặc ; sự chuẩn bị kháng chiến của nhà Trần ; các chiến thắng tiêu biểu ; kết quả và nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử.
- Sự phát triển kinh tế, văn hoá thời Trần.
- Sự suy sụp của nhà Trần cuối thế kỉ XIV.
- Nhà Hồ và những cải cách của Hồ Quý Ly.

#### *4. Nước Đại Việt đầu thế kỉ XV. Thời Lê sơ*

- Cuộc xâm lược của quân Minh và sự thất bại của nhà Hồ.
- Những cuộc khởi nghĩa của quý tộc nhà Trần.
- Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn : Lê Lợi, Nguyễn Trãi ; những nét chính về diễn biến, những chiến thắng tiêu biểu ; nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử.
- Nước Đại Việt thời Lê sơ : tổ chức bộ máy chính quyền, luật pháp ; quân đội và tình hình kinh tế, xã hội, văn hoá, giáo dục, khoa học, nghệ thuật.

#### *5. Nước Đại Việt ở các thế kỉ XVI – XVIII*

- Tình hình kinh tế, văn hoá, xã hội thế kỉ XVI – XVIII.
- Sự suy yếu của Nhà nước phong kiến tập quyền : phong trào nông dân đầu thế kỉ XVI ; cuộc đấu tranh giữa các thế lực phong kiến : chiến tranh Nam – Bắc triều, chiến tranh Trịnh – Nguyễn ; khởi nghĩa nông dân ở Đàng Ngoài thế kỉ XVIII.
- Cuộc khởi nghĩa nông dân Tây Sơn : nguyên nhân, diễn biến chính, những kết quả chính (lật đổ chính quyền họ Nguyễn, họ Trịnh, đánh tan quân xâm lược Xiêm) và ý nghĩa.
- Quang Trung đại phá quân Thanh : Quân Thanh xâm lược nước ta ; chiến thắng tiêu biểu ; kết quả và ý nghĩa lịch sử của chiến thắng.
- Quang Trung xây dựng đất nước : về kinh tế, văn hoá, quốc phòng và ngoại giao.

### 6. Việt Nam nửa đầu thế kỉ XIX

- Nhà Nguyễn tăng cường chế độ phong kiến tập quyền.
- Tình hình kinh tế, văn hoá vào buổi đầu của nhà Nguyễn (nửa đầu thế kỉ XIX).
- Các cuộc nổi dậy của nhân dân chống nhà Nguyễn.

*Lịch sử địa phương*

## LỚP 8

*1,5 tiết/tuần × 35 tuần = 52,5 tiết*

### **A – Lịch sử thế giới cận đại (từ giữa thế kỉ XVI đến năm 1917)**

#### *1. Cách mạng tư sản và sự xác lập chủ nghĩa tư bản (từ giữa thế kỉ XVI đến nửa sau thế kỉ XIX)*

- Những cuộc cách mạng tư sản trong buổi đầu thời cận đại :
  - + Cách mạng Hà Lan, Cách mạng tư sản Anh, Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ (nguyên nhân, diễn biến, tính chất, kết quả và ý nghĩa lịch sử).
  - + Cách mạng tư sản Pháp (1789 – 1794).
- Sự xác lập chủ nghĩa tư bản trên phạm vi thế giới :
  - + Cách mạng công nghiệp ở Anh, Pháp và Đức : diễn biến và hệ quả.
  - + Sự tiếp diễn cách mạng tư sản ở nhiều nước.
  - + Sự xâm lược của tư bản phương Tây đối với các nước Á, Phi.

#### *2. Các nước Á – Mĩ cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX*

Các nước Anh, Pháp, Đức, Mĩ cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX : tình hình kinh tế, chính trị ; những chuyển biến quan trọng (các tổ chức độc quyền ; tăng cường xâm lược thuộc địa, chuẩn bị chiến tranh thế giới) ; các nước tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.

### *3. Phong trào công nhân quốc tế thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX. Sự ra đời của chủ nghĩa Mác*

– Phong trào công nhân nửa đầu thế kỉ XIX và sự ra đời của chủ nghĩa Mác : vài nét về phong trào công nhân nửa đầu thế kỉ XIX, Mác – Ăng-ghe-n, Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản (làm quen với một vài nội dung tiêu biểu).

– Công xã Pa-ri : cuộc khởi nghĩa 18-3-1871 ; tổ chức bộ máy và chính sách của Công xã Pa-ri, ý nghĩa lịch sử của Công xã Pa-ri.

– Phong trào công nhân quốc tế cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX : những sự kiện chủ yếu, Quốc tế thứ hai ; phong trào công nhân Nga và cuộc cách mạng 1905 – 1907 ở Nga : V. I. Lê-nin, Đảng vô sản kiểu mới ở Nga ; Cách mạng 1905 – 1907.

### *4. Sự phát triển của kĩ thuật, khoa học, văn học và nghệ thuật thế kỉ XVIII – XIX*

Những thành tựu chủ yếu về kĩ thuật, những tiến bộ về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội.

### *5. Châu Á thế kỉ XVIII – đầu thế kỉ XX*

– Ấn Độ : sự xâm lược và chính sách thống trị của Anh, nét chính về cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của Ấn Độ.

– Trung Quốc : Các nước đế quốc xâm chiếm Trung Quốc, phong trào đấu tranh của nhân dân Trung Quốc cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, Cách mạng Tân Hợi (1911).

– Đông Nam Á : Chủ nghĩa tư bản phương Tây xâm lược Đông Nam Á, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á.

– Nhật Bản : cuộc Minh Trị duy tân, Nhật Bản chuyển sang chủ nghĩa đế quốc, phong trào đấu tranh của nhân dân Nhật Bản.

### *6. Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918)*

Nguyên nhân, diễn biến chính và kết cục của chiến tranh.

*Tổng kết, ôn tập*



## **B – Lịch sử thế giới hiện đại (phần từ năm 1917 đến năm 1945)**

### *1. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô*

– Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 :

+ Đòi nét về nước Nga trước cách mạng. Cách mạng tháng Hai năm 1917. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 (điển biến chính).

+ Xây dựng chính quyền Xô viết, chống thù trong, giặc ngoài. Ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917.

– Liên Xô xây dựng chủ nghĩa xã hội 1921 – 1941 :

+ Chính sách kinh tế mới.

+ Những thành tựu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô (1925 – 1941).

### *2. Châu Âu và nước Mỹ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 – 1939)*

– Châu Âu giữa hai cuộc chiến tranh thế giới.

+ Châu Âu trong những năm 1918 – 1929 : những nét chung ; cao trào cách mạng 1918 – 1923 ; Quốc tế Cộng sản.

+ Châu Âu trong những năm 1929 – 1939 : cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933 ; phong trào chống chủ nghĩa phát xít và chiến tranh.

– Nước Mỹ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới.

+ Nước Mỹ trong thập niên 20 của thế kỉ XX : sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế ; Đảng Cộng sản Mỹ thành lập.

+ Nước Mỹ trong những năm 1929 – 1939 : khủng hoảng kinh tế và chính sách thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng của Mỹ.

### *3. Châu Á giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 – 1939)*

– Nhật Bản giữa hai cuộc chiến tranh thế giới : tình hình nước Nhật sau Chiến tranh thế giới thứ nhất ; ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933 và con đường thoát khỏi khủng hoảng của Nhật.

– Phong trào độc lập dân tộc ở Trung Quốc, Ấn Độ, Đông Nam Á (1918 – 1939) : những nét chủ yếu về phong trào cách mạng ở Trung Quốc trong những năm 1918 – 1939, phong trào độc lập dân tộc ở Ấn Độ và các nước Đông Nam Á.

#### *4. Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945)*

Nguyên nhân, diễn biến chính, kết cục của chiến tranh.

#### *5. Sự phát triển của khoa học – kĩ thuật và văn hoá thế giới nửa đầu thế kỉ XX*

Sơ lược về nền văn hoá Xô viết ; những thành tựu chính của khoa học – kĩ thuật thế giới nửa đầu thế kỉ XX.

*Tổng kết, ôn tập*

### **C – Lịch sử Việt Nam từ năm 1858 đến năm 1918**

#### *1. Việt Nam từ năm 1858 đến năm 1884*

- Đôi nét về cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp.
- Cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược của triều đình nhà Nguyễn và nhân dân.
- Phong trào chống Pháp trong những năm cuối thế kỉ XIX : các cuộc khởi nghĩa lớn trong phong trào Cần vương ; cuộc khởi nghĩa Yên Thế và phong trào chống Pháp của đồng bào miền núi.
- Trào lưu cải cách duy tân ở Việt Nam nửa cuối thế kỉ XIX.

#### *2. Việt Nam trong những năm đầu thế kỉ XX*

- Cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp và những chuyển biến về kinh tế – xã hội ở Việt Nam.
- Phong trào yêu nước chống Pháp từ đầu thế kỉ XX đến năm 1918.
- Buổi đầu hoạt động yêu nước của Nguyễn Tất Thành.

*Lịch sử địa phương*

## **LỚP 9**

$$1,5 \text{ tiết/tuần} \times 35 \text{ tuần} = 52,5 \text{ tiết}$$

## **A – Lịch sử thế giới hiện đại từ năm 1945 đến nay**

### *1. Liên Xô và các nước Đông Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai*

– Liên Xô (1945 – 1991) : công cuộc khôi phục kinh tế sau chiến tranh (1945 – 1950) ; xây dựng chủ nghĩa xã hội từ năm 1950 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX ; tình hình Liên Xô từ giữa những năm 70 đến đầu những năm 90 của thế kỉ XX.

– Các nước Đông Âu (1945 – 1989) : hoàn thành cách mạng dân chủ nhân dân và xây dựng chủ nghĩa xã hội (từ năm 1945 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX) ; tình hình Đông Âu từ cuối những năm 70 đến cuối những năm 80 của thế kỉ XX.

### *2. Các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh từ năm 1945 đến nay*

– Quá trình phát triển của phong trào giải phóng dân tộc và sự tan rã của hệ thống thuộc địa.

– Tình hình chung ở các nước châu Á.

– Trung Quốc từ năm 1949 đến nay : sự ra đời của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, thời kì xây dựng chế độ mới (1949 – 1959) ; thời kì biến động (1959 – 1978) ; công cuộc cải cách mở cửa (từ năm 1978 đến nay).

– Tình hình Đông Nam Á sau năm 1945.

– Tổ chức ASEAN : sự ra đời và phát triển.

– Các nước châu Phi : tình hình chung ; nước Cộng hoà Nam Phi.

– Các nước ở Mĩ La-tinh : những nét chung ; cách mạng ở Cu Ba.

### *3. Mĩ, Nhật Bản, Tây Á từ năm 1945 đến nay*

Nét nổi bật về kinh tế, chính trị.

### *4. Quan hệ quốc tế từ năm 1945 đến nay*

– Sự hình thành trật tự thế giới mới.

– Sự thành lập Liên hợp quốc.

– Cuộc “chiến tranh lạnh” và thế giới sau “chiến tranh lạnh”.

#### *5. Cách mạng khoa học – kĩ thuật từ năm 1945 đến nay*

– Những thành tựu chủ yếu.

– Ý nghĩa và tác động.

*Tổng kết, ôn tập*

### **B – Lịch sử Việt Nam từ năm 1919 đến nay**

#### *1. Việt Nam trong những năm 1919 – 1930*

– Chương trình khai thác lần thứ hai của thực dân Pháp và những tác động của nó.

– Phong trào dân tộc, dân chủ công khai (1919 – 1925).

– Phong trào công nhân (1919 – 1925).

– Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở nước ngoài (1919 – 1925).

– Các tổ chức Tân Việt, Việt Nam Quốc dân đảng.

– Ba tổ chức cộng sản ra đời.

#### *2. Việt Nam trong những năm 1930 – 1939*

– Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời.

– Phong trào cách mạng trong những năm 1930 – 1935.

– Cuộc vận động dân chủ trong những năm 1936 – 1939.

#### *3. Việt Nam trong những năm 1939 – 1945. Cách mạng tháng Tám năm 1945*

– Tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá.

- Những cuộc nổi dậy : khởi nghĩa Bắc Sơn, khởi nghĩa Nam Kỳ, binh biến Đô Lương.
- Cao trào cách mạng tiến tới Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.
- Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 và sự thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

#### *4. Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám đến toàn quốc kháng chiến*

- Tình hình nước ta sau Cách mạng tháng Tám.
- Cuộc đấu tranh bảo vệ và xây dựng chế độ mới.

#### *5. Việt Nam từ cuối năm 1946 đến năm 1954*

- Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược bùng nổ ; đường lối kháng chiến.
- Các chiến thắng lớn : Việt Bắc, Biên giới và Điện Biên Phủ.
- Xây dựng chế độ dân chủ nhân dân.
- Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương.
- Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp.

#### *6. Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975*

- Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội miền Bắc, đấu tranh chống đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn ở miền Nam (1954 – 1965).
- Cả nước trực tiếp chiến đấu chống Mỹ, cứu nước (1965 – 1973).
- Hoàn thành giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1973 – 1975).

#### *7. Việt Nam từ năm 1975 đến nay*

- Tình hình hai miền Bắc, Nam sau đại thắng Xuân 1975.

- Xây dựng đất nước, đấu tranh bảo vệ Tổ quốc (1976 – 1985).
- Việt Nam trên đường đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội (1986 – nay).

*Lịch sử địa phương*

*Tổng kết, ôn tập*

### III – CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG

#### LỚP 6

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<b>I – MỞ ĐẦU</b>		
<b>1. Sơ lược về môn Lịch sử</b>	Học sinh biết : <ul style="list-style-type: none"> <li>– Xã hội loài người có lịch sử hình thành và phát triển.</li> <li>– Mục đích học tập Lịch sử (để biết gốc tích tổ tiên, quê hương, đất nước, để hiểu hiện tại).</li> <li>– Phương pháp học tập (cách học, cách tìm hiểu lịch sử) một cách thông minh trong việc nhớ và hiểu.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Ghi nhớ câu thơ của Bác Hồ :            “Dân ta phải biết sử ta,            Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam”.</li> </ul>
<b>2. Cách tính thời</b>	– Cách tính thời gian trong lịch sử.	– Chủ yếu biết cách tính năm

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<b>gian trong lịch sử</b>		trước Công nguyên và sau Công nguyên. Khoảng cách từ năm xảy ra sự kiện đến năm đang học.
<b>II – KHÁI QUÁT LỊCH SỬ THẾ GIỚI NGUYÊN THỦY VÀ CỔ ĐẠI</b>		
<b>1. Xã hội nguyên thủy</b>	<p>Học sinh biết :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Sự xuất hiện con người trên Trái Đất : thời điểm, động lực...</li> <li>– Sự khác nhau giữa Người tối cổ và Người tinh khôn.</li> <li>– Vì sao xã hội nguyên thủy tan rã : sản xuất phát triển, nảy sinh của cải thừa ; sự xuất hiện giai cấp ; nhà nước ra đời.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Chỉ những địa điểm trên bản đồ và nhận xét theo hình vẽ trong sách giáo khoa.</li> </ul>
<b>2. Xã hội cổ đại</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nêu được sự xuất hiện các quốc gia cổ đại ở phương Đông và phương Tây (thời điểm, địa điểm).</li> <li>– Trình bày sơ lược về tổ chức và đời sống xã hội ở các quốc gia cổ đại.</li> <li>– Thành tựu chính của nền văn hoá cổ đại phương Đông (lịch, chữ tượng hình, toán học, kiến trúc) và phương Tây (lịch, chữ cái a, b, c, ở nhiều lĩnh vực khoa học, văn học, kiến trúc, điêu khắc).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Xác định vị trí của các quốc gia này trên bản đồ.</li> <li>– Xem kênh hình và tường thuật.</li> <li>– Xem tranh ảnh.</li> <li>– Tạo biểu tượng về các thành tựu.</li> </ul>
<b>III – LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NGUỒN GỐC ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ X</b>		
<b>1. Buổi đầu lịch sử nước ta</b>	<p>Hiểu biết những điểm chính về :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Dấu tích của Người tối cổ tìm thấy trên đất nước Việt Nam :</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Xác định các địa điểm khảo cổ</li> </ul>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>hang Thẩm Khuyên, Thẩm Hai (Lạng Sơn) ; Núi Đọ (Thanh Hoá) ; Xuân Lộc (Đồng Nai) ; công cụ đá ghè đẽo thô sơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Dấu tích của Người tinh khôn được tìm thấy trên đất nước Việt Nam (ở giai đoạn đầu : mái đá Ngườm – Thái Nguyên, Sơn Vi – Phú Thọ ; ở giai đoạn phát triển : Hoà Bình, Bắc Sơn, Quỳnh Văn, Hạ Long,...).</li> <li>– Sự phát triển của Người tinh khôn so với Người tối cổ.</li> </ul>	<p>và dấu tích con người trên đất nước Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Biểu tượng về Người tối cổ và Người tinh khôn (khai thác kênh hình).</li> <li>– Lập bảng so sánh (hay trình bày miệng) về công cụ sản xuất, lao động, tổ chức xã hội, đời sống tinh thần.</li> </ul>
<p><b>2. Thời kì Văn Lang – Âu Lạc</b></p> <p>2.1. Những chuyển biến trong đời sống kinh tế – xã hội</p> <p>2.2. Nước Văn Lang</p>	<p>Nắm được những nét chính về :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trình độ sản xuất, công cụ của người Việt cổ : các di chỉ : Phùng Nguyên (Phú Thọ) ; Hoa Lộc (Thanh Hoá). Phát minh ra thuật luyện kim.</li> <li>– Hiểu được ý nghĩa, tầm quan trọng của sự ra đời nghề nông trồng lúa nước.</li> <li>– Những biểu hiện về sự chuyển biến trong xã hội : chế độ phụ hệ dần dần thay thế chế độ mẫu hệ.</li> </ul> <p>Học sinh biết :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Điều kiện ra đời của nước Văn Lang : sự phát triển sản xuất, làm thuỷ lợi và giải quyết các cuộc xung đột.</li> <li>– Sơ lược về nước Văn Lang (thời gian thành lập, địa điểm), tổ chức nhà nước Văn Lang, đời sống vật chất (nông nghiệp, các nghề</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Biểu tượng về một số sự kiện chủ yếu về nghề nông, chuyển biến xã hội.</li> <li>– Liên hệ kiến thức đã học và sự xuất hiện các quốc gia cổ đại phương Đông.</li> <li>– Miêu tả một điểm về sinh hoạt vật chất (hay tinh thần) của người</li> </ul>



CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
2.3. Nước Âu Lạc	<p>thủ công, ăn, mặc, ở, đi lại,...), đời sống tinh thần (lễ hội, tín ngưỡng) của cư dân.</p> <p>Trình bày được :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Hoàn cảnh ra đời và tổ chức nhà nước Âu Lạc, sự tiến bộ trong sản xuất (sử dụng công cụ bằng đồng, bằng sắt, chăn nuôi, trồng trọt, các nghề thủ công).</li> <li>– Thành Cổ Loa và sơ lược diễn biến cuộc kháng chiến chống Triệu Đà năm 179 trước Công nguyên.</li> </ul>	<p>Văn Lang.</p> <p>– Sơ đồ thành Cổ Loa (quan sát kênh hình và miêu tả theo sơ đồ).</p>
<p><b>3. Thời kì Bắc thuộc và cuộc đấu tranh giành độc lập</b></p> <p>3.1. Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng và cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Hán</p> <p>3.2. Từ sau Trưng Vương đến trước Lý Nam Đế (giữa thế kỉ I – giữa thế</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Trình bày được một số nét khái quát tình hình nước Âu Lạc từ thế kỉ II trước Công nguyên đến thế kỉ I : Chính sách thống trị tàn bạo của phong kiến phương Bắc đối với nước ta (xoá tên nước ta, đồng hoá và bóc lột tàn bạo dân ta).</li> <li>– Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng : công việc chuẩn bị, sự ủng hộ của nhân dân, diễn biến, kết quả.</li> <li>– Công cuộc xây dựng đất nước sau khi giành lại được độc lập.</li> <li>– Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Hán (thời gian, những trận đánh chính, kết quả).</li> <li>– Đòi nét về tình hình nước ta từ giữa thế kỉ I đến giữa thế kỉ VI :</li> <li>+ Chính sách cai trị của phong kiến phương Bắc : Sáp nhập nước ta vào lãnh thổ nhà Hán, tổ chức bộ máy cai trị, chính sách bóc lột và</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Tập trung vào các vấn đề : + Chính sách thống trị của phong kiến phương Bắc. + Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng, kết quả và ý nghĩa.</li> <li>– Chủ yếu : Âm mưu của phong kiến phương Bắc đối với nước ta trong việc sáp nhập lãnh thổ,</li> </ul>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p>ki VI)</p> <p>3.3. Khởi nghĩa Lý Bí. Nước Vạn Xuân (542 – 602)</p> <p>3.4. Đất nước ta trong các thế kỉ VII – IX</p> <p>3.5. Nước Cham-pa (từ thế kỉ II đến thế kỉ X)</p>	<p>đồng hoá.</p> <p>+ Sự phát triển nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp : sử dụng công cụ sắt, dùng sức kéo trâu bò, trồng lúa hai vụ, nghề gốm, nghề dệt□</p> <p>+ Sự phân hoá xã hội, sự truyền bá văn hoá phương Bắc (chữ Hán, Nho giáo, Đạo giáo, Phật giáo) và cuộc đấu tranh giữ gìn văn hoá dân tộc (tiếng nói, phong tục tập quán).</p> <p>+ Cuộc khởi nghĩa Bà Triệu : thời gian, địa điểm, diễn biến chính, kết quả.</p> <p>– Chính sách đô hộ của nhà Lương đối với nước ta.</p> <p>– Lý Bí và nước Vạn Xuân :</p> <p>+ Con người và sự nghiệp của Lý Bí (quê hương, hoạt động,...).</p> <p>+ Diễn biến khởi nghĩa (sự ủng hộ của các hào kiệt khắp nơi, khởi nghĩa bùng nổ, Lý Bí lên ngôi Hoàng đế, đặt tên nước là Vạn Xuân).</p> <p>– Cuộc kháng chiến chống quân Lương xâm lược (diễn biến chính : thời Lý Bí lãnh đạo ; thời Triệu Quang Phục lãnh đạo, kết quả).</p> <p>– Những thay đổi lớn về chính trị – kinh tế nước ta dưới ách đô hộ của nhà Đường : An Nam đô hộ phủ, tổ chức bộ máy cai trị do quan lại người Hán cai quản tới cấp huyện, tăng cường bóc lột...).</p> <p>– Các cuộc khởi nghĩa : Mai Thúc Loan, Phùng Hưng : diễn biến, kết quả.</p> <p>– Nhà nước Cham-pa độc lập được thành lập : địa bàn, quá trình xây dựng và mở rộng.</p>	<p>đồng hoá dân ta ; vài nét về kinh tế, văn hoá của nước ta.</p> <p>– Chú ý : Cuộc khởi nghĩa Lý Bí.</p> <p>– Tìm hiểu thêm về Mai Thúc Loan, Phùng Hưng.</p> <p>– Chủ yếu : tình hình kinh tế, văn hoá.</p> <p>– Sự liên hệ giữa người Chăm</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p>3.6. Ôn tập chủ đề “Thời kì Bắc thuộc và chống Bắc thuộc”</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Tình hình kinh tế, văn hoá : biết sử dụng công cụ bằng sắt, trồng lúa nước, trồng các loại cây ăn quả và khai thác lâm thổ sản, chữ viết, tôn giáo, phong tục tập quán...</li> <li>– Ghi nhớ khái quát : Ách thống trị của các triều đại phong kiến phương Bắc đối với nhân dân ta.</li> <li>– Cuộc đấu tranh của nhân dân ta (các cuộc khởi nghĩa lớn) chống ách Bắc thuộc.</li> <li>– Những biến chuyển về kinh tế, văn hoá.</li> </ul>	<p>và các cư dân Việt ở Nhật Nam, Cửu Chân và Giao Chỉ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Lập bảng hệ thống kiến thức các vấn đề sơ kết.</li> <li>– Nhấn mạnh : Nhân dân ta vẫn giữ được bản sắc văn hoá, những phong tục, tập quán của dân tộc.</li> </ul>
<p><b>4. Bước ngoặt lịch sử ở đầu thế kỉ X</b></p> <p>4.1. Cuộc đấu tranh giành quyền tự chủ của họ Khúc, họ Dương</p> <p>4.2. Ngô Quyền và chiến thắng Bạch Đằng năm 938</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận biết hoàn cảnh Khúc Thừa Dụ giành được quyền tự chủ.</li> <li>– Hiểu được ý nghĩa việc làm của Khúc Thừa Dụ : chấm dứt trên thực tế ách đô hộ của phong kiến Trung Quốc.</li> <li>– Những việc làm cụ thể của Khúc Hạo là nhằm củng cố, quyết tâm giữ vững quyền tự chủ, thoát khỏi ách đô hộ của phong kiến phương Bắc.</li> <li>– Cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán xâm lược (lần thứ nhất) dưới sự lãnh đạo của Dương Đình Nghệ.</li> <li>– Tình hình nước ta từ sau khi Dương Đình Nghệ bị giết đến khi Ngô Quyền mang quân từ Ái Châu (Thanh Hoá) ra Bắc, chuẩn bị chống quân xâm lược.</li> <li>– Trận đánh trên sông Bạch Đằng của quân ta : diễn biến, kết quả</li> </ul>	<p>Chú ý : Họ Khúc giành quyền tự chủ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trình bày diễn biến trận đánh</li> </ul>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	và ý nghĩa.	theo lược đồ. – Nhấn mạnh ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng.

### LỚP 7

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<b>I – KHÁI QUÁT LỊCH SỬ THẾ GIỚI TRUNG ĐẠI</b>		
<b>1. Xã hội phong kiến châu Âu</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Trình bày sự ra đời xã hội phong kiến ở châu Âu.</li> <li>– Hiểu biết sơ giản về thành thị trung đại : sự ra đời, các quan hệ kinh tế, sự hình thành tầng lớp thị dân.</li> <li>– Các phong trào : Văn hoá Phục hưng, Cải cách tôn giáo, Chiến tranh nông dân Đức. Ý nghĩa của các phong trào này.</li> </ul>	– Suu tâm tài liệu viết, tranh ảnh về Văn hoá Phục hưng.
<b>2. Xã hội phong kiến Phương Đông</b>	– Trung Quốc : Một số điểm nổi bật về kinh tế, chính trị, những thành tựu tiêu biểu nhất về văn hoá của Trung Quốc trong thời kì phong kiến.	– Liên hệ các triều đại phong kiến Trung Quốc với những sự kiện lớn trong lịch sử Việt Nam

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Ấn Độ : các vương triều, văn hoá Ấn Độ.</li> <li>– Các quốc gia phong kiến độc lập ở Đông Nam Á (thời điểm xuất hiện, địa bàn). Những nét nổi bật về kinh tế, chính trị, văn hoá.</li> <li>– Trình bày được những nét chung nhất của xã hội phong kiến phương Đông : sự hình thành và phát triển, cơ sở kinh tế – xã hội, nhà nước phong kiến.</li> </ul>	<p>cùng thời gian.</p> <p>– Chú ý : những nét chung của xã hội phong kiến phương Đông.</p>
<b>II – LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ THẾ KỈ X ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX</b>		
<p><b>1. Buổi đầu độc lập thời Ngô – Đinh – Tiền Lê (thế kỉ X)</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Trình bày được những điểm chủ yếu sau :</li> <li>+ Sự ra đời của các triều đại Ngô, Đinh, Tiền Lê ; tổ chức Nhà nước thời Ngô – Đinh – Tiền Lê.</li> <li>+ Đời sống kinh tế : quyền sở hữu ruộng đất, khai hoang, đào vét kênh ngòi ; một số nghề thủ công ; đúc tiền, các trung tâm buôn bán.</li> <li>+ Về xã hội : các giai tầng trong xã hội (nông dân tự do, thợ thủ công, người buôn bán nhỏ, nô tì).</li> <li>– Công lao của Ngô Quyền, Đinh Bộ Lĩnh, Lê Hoàn trong công cuộc củng cố nền độc lập và bước đầu xây dựng đất nước.</li> <li>– Biết trình bày cuộc kháng chiến chống Tống lần thứ nhất theo lược đồ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Chú ý những sự kiện chủ yếu trong buổi đầu độc lập.</li> <li>– Công lao của các anh hùng dân tộc thời kì này.</li> </ul>
<p><b>2. Nước Đại Việt thời Lý (thế kỉ XI – đầu thế kỉ XIII)</b></p>		

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p>2.1. Nhà Lý đẩy mạnh công cuộc xây dựng đất nước và củng cố độc lập</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Trình bày sơ lược bối cảnh ra đời của nhà Lý ; việc dời đô ra Thăng Long : nguyên nhân, ý nghĩa.</li> <li>– Tổ chức bộ máy nhà nước ; tổ chức quân đội ; bộ luật đầu tiên của nước ta và chính sách đối nội, đối ngoại của nhà Lý.</li> <li>– Miêu tả những nét chính của bức tranh về kinh tế, xã hội, văn hoá, giáo dục thời Lý (sự chuyển biến của nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp. Các giai tầng trong xã hội, những thành tựu văn hoá tiêu biểu : lập Văn miếu, Quốc tử giám, mở khoa thi, nghệ thuật phát triển, đặc biệt là kiến trúc và điêu khắc).</li> <li>– Kể về một số nhân vật lịch sử và công trình kiến trúc tiêu biểu.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Chú ý :</li> <li>+ Sử dụng tranh ảnh, tham quan di tích lịch sử có ở địa phương (liên quan tới các sự kiện đang học).</li> <li>+ Sự chuyển biến của nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp từ thế kỉ XI đến đầu thế kỉ XIII.</li> <li>– Chủ yếu : Lý Công Uẩn, Thăng Long, Văn miếu, tháp Báo Thiên, chùa Một Cột,...</li> </ul>
<p>2.2. Cuộc kháng chiến chống xâm lược Tống (1075 – 1077)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Giai đoạn thứ nhất (1075) : + Âm mưu xâm lược của nhà Tống. + Nhà Lý chủ động tiến công trước để phòng vệ.</li> <li>– Giai đoạn thứ hai (1076 – 1077) : Tường thuật lại diễn biến theo lược đồ và tranh ảnh, tóm tắt kết cục của cuộc kháng chiến chống Tống của quân dân thời Lý.</li> <li>– Nêu tài năng và công lao của Lý Thường Kiệt trong cuộc kháng chiến chống Tống : chủ động tấn công trước, lập phòng tuyến Như Nguyệt, chỉ huy quân đội đánh đuổi được quân Tống xâm lược, chủ động giảng hoà.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhà Lý đối phó với âm mưu xâm lược của nhà Tống.</li> <li>– Vẽ và trình bày theo lược đồ trận chiến tại phòng tuyến Như Nguyệt.</li> </ul>
<p><b>3. Nước Đại Việt thời Trần (thế kỉ XIII – XIV)</b></p>		

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p><b>và nhà Hồ (đầu thế kỉ XV)</b></p> <p>3.1. Nước Đại Việt thế kỉ XIII</p> <p>3.2. Ba lần kháng chiến chống quân xâm lược</p>	<p>– Trình bày những nét chính về chính trị, kinh tế, xã hội cuối thời Lý dẫn tới nguy cơ sụp đổ của triều đại Lý. Trần Cảnh lên ngôi vua, thiết lập triều đại Trần.</p> <p>– Biết những nét chính về tổ chức bộ máy nhà nước, quân đội thời Trần (quy củ hơn nhà Lý), nông nghiệp (đắp đê, khai hoang), thủ công nghiệp (hình thành các phường hội ở Thăng Long), thương nghiệp (hình thành nhiều chợ và trung tâm buôn bán), văn hoá, giáo dục thời Trần.</p> <p>– Biết được sức mạnh quân sự của quân Mông – Nguyên và quyết tâm xâm lược Đại Việt của chúng qua những tư liệu lịch sử cụ thể.</p>	<p>– Chú ý các sự kiện : + Sự phát triển kinh tế, văn hoá thời Trần.</p> <p>+ Những chiến thắng lớn trong kháng chiến chống quân xâm lược</p>
<p>Mông – Nguyên (thế kỉ XIII)</p> <p>3.3. Sự suy sụp của nhà Trần cuối thế kỉ XIV</p>	<p>– Những nét chính về diễn biến ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên của quân dân nhà Trần theo lược đồ : những trận đánh quyết định như : Đông Bộ Đầu (kháng chiến lần thứ nhất) ; tổng phản công (kháng chiến lần thứ hai) và Vân Đồn, Bạch Đằng (kháng chiến lần thứ ba).</p> <p>– Tinh thần toàn dân đoàn kết, quyết tâm kháng chiến của quân dân thời Trần qua các sự kiện, nhân vật lịch sử cụ thể, tiêu biểu.</p> <p>– Nguyên nhân thắng lợi của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên dưới thời Trần.</p> <p>– Sự yếu kém của vua quan cuối thời Trần trong việc quản lí và điều hành đất nước ; tình hình kinh tế, xã hội (xuất hiện các cuộc</p>	<p>Mông – Nguyên (sử dụng kênh hình).</p> <p>+ Nguyên nhân thắng lợi (phân tích).</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p>3.4. Sơ kết : Những thành tựu về chính trị, kinh tế, quân sự, văn hoá của Đại Việt từ thế kỉ XI đến cuối thế kỉ XIV</p>	<p>đấu tranh của nông dân, nô tì).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Giải thích sự sụp đổ của nhà Trần. Nhà Hồ được thành lập.</li> <li>– Nêu các chính sách của Hồ Quý Ly : Cải tổ hàng ngũ quan lại, hạn điền, hạn nô ; bước đầu đánh giá tác động của các chính sách của Hồ Quý Ly.</li> <li>– Lập niên biểu và kể tên các cuộc kháng chiến, một số trận đánh, nhân vật lịch sử tiêu biểu trong các cuộc kháng chiến.</li> <li>– Những thành tựu chính về kinh tế : thuỷ lợi, khai hoang, thủ công nghiệp, thương nghiệp.</li> <li>– Những thành tựu về văn hoá – giáo dục : đạo Phật, tổ chức thi cử, chữ Nôm, kiến trúc, điêu khắc...</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Trình bày các cải cách của Hồ Quý Ly, bước đầu đánh giá.</li> <li>– Niên biểu gồm các mục sau : tên cuộc kháng chiến, thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc, quân xâm lược, một số trận đánh tiêu biểu, một số anh hùng tiêu biểu.</li> </ul>
<p><b>4. Nước Đại Việt đầu thế kỉ XV. Thời Lê sơ</b></p> <p>4.1. Cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược đầu thế kỉ XV</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Trình bày được âm mưu bành trướng của nhà Minh, thủ đoạn thống trị của nhà Minh.</li> <li>– Tường thuật diễn biến cuộc kháng chiến của nhà Hồ và hai cuộc khởi nghĩa tiêu biểu của quý tộc Trần là Trần Ngỗi, Trần Quý Khoáng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Chú ý : nguyên nhân bùng nổ các cuộc kháng chiến và khởi nghĩa chống quân Minh.</li> </ul>



CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p>4.2. Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1427)</p> <p>4.3. Chế độ phong kiến tập quyền buổi đầu thời Lê sơ (thế kỉ XV)</p> <p>4.4. Sơ kết</p>	<p>– Lập niên biểu và tường thuật diễn biến của khởi nghĩa Lam Sơn trên bản đồ : từ lập căn cứ địa, xây dựng lực lượng, chống địch vây quét và mở rộng vùng hoạt động ở miền Tây Thanh Hoá đến chuyển căn cứ vào Nghệ An, mở rộng vùng giải phóng vào Tân Bình, Thuận Hoá rồi phản công diệt viện và giải phóng đất nước.</p> <p>– Nhớ tên một số nhân vật và địa danh lịch sử cùng những chiến công tiêu biểu của cuộc khởi nghĩa (vai trò của các tầng lớp nhân dân, sự lãnh đạo tài tình của bộ máy chỉ huy).</p> <p>– Nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn : lòng yêu nước, đoàn kết của nhân dân ; chiến lược, chiến thuật đúng đắn, sáng tạo...</p> <p>– Trình bày sơ lược tổ chức nhà nước thời Lê sơ, nêu những điểm chính của bộ Luật Hồng Đức ; tình hình kinh tế – xã hội, văn hoá, giáo dục ; một số danh nhân và công trình văn hoá tiêu biểu.</p>	<p>– Chỉ nêu sơ lược cuộc đời và công lao của một số nhân vật : Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Lê Lai... ; chiến thắng Tốt Động, Chúc Động, Chi Lăng, Xương Giang, Đông Quan.</p>
<p><b>5. Nước Đại Việt ở các thế kỉ XVI – XVIII</b></p> <p>5.1. Sự suy yếu của nhà nước phong kiến tập quyền (thế kỉ XVI – XVIII)</p>	<p>– Trình bày tổng quát bức tranh chính trị, xã hội Việt Nam ở các thế kỉ XVI – XVIII.</p> <p>– Sự sa đọa của triều đình phong kiến, những phe phái mâu thuẫn dẫn đến xung đột, tranh giành quyền lợi ngày càng gay gắt trong nội bộ giai cấp thống trị.</p>	<p>– Nêu hậu quả sự suy yếu là kinh tế bị tàn phá từng phần, văn hoá bị kìm hãm, đất nước bị chia cắt lâu dài.</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p>5.2. Tình hình kinh tế và văn hoá ở các thế kỉ XVI – XVIII</p> <p>5.3. Khởi nghĩa nông dân Đàng Ngoài thế kỉ XVIII</p>	<p>– Cuộc đấu tranh của nông dân dẫn đến bùng nổ những cuộc khởi nghĩa ở Sơn Tây, Kinh Bắc, Hải Dương.</p> <p>– Trình bày tổng quát bức tranh kinh tế cả nước :</p> <p>+ Nông nghiệp Đàng Trong phát triển hơn nông nghiệp Đàng Ngoài. Nguyên nhân của sự khác nhau đó.</p> <p>+ Thủ công nghiệp phát triển, đặc biệt là các làng thủ công.</p> <p>+ Thương nghiệp phát triển : chợ phiên, thị tứ và sự xuất hiện thêm một số thành thị. Sự phồn thịnh của các thành thị.</p> <p>– Nêu được những điểm mới về mặt tư tưởng, tôn giáo và văn học, nghệ thuật : sự du nhập của Thiên Chúa giáo ; chữ Quốc ngữ ra đời ; sự phát triển rực rỡ của văn học và nghệ thuật dân gian.</p> <p>– Nêu những biểu hiện về đời sống khổ cực của nông dân và giải thích nguyên nhân chính của hiện trạng đó.</p> <p>– Kể tên các cuộc khởi nghĩa nông dân tiêu biểu và trình bày theo lược đồ một vài cuộc khởi nghĩa : nguyên nhân bùng nổ và thất bại, diễn biến chính và ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa đó.</p>	<p>– Chú ý :</p> <p>+ Nông nghiệp Đàng Trong.</p> <p>+ Sự phát triển thủ công nghiệp, thương nghiệp cả hai miền.</p> <p>+ Những thành tựu văn hoá (sưu tầm, tìm hiểu nội dung một số tranh dân gian).</p> <p>– Dùng lược đồ Việt Nam ở thế kỉ XVI để xác định những nơi diễn ra các cuộc khởi nghĩa nông dân và trình bày diễn biến chính.</p>
<p>5.4. Phong trào nông dân Tây Sơn</p>	<p>– Biết lập niên biểu và trình bày tiến trình của cuộc khởi nghĩa nông dân Tây Sơn chống phong kiến và chống ngoại xâm : Cuộc khởi nghĩa bùng nổ (ở ấp Tây Sơn, năm 1771) ; chiếm thành Quy Nhơn (1773), lật đổ chính quyền họ Nguyễn ở Đàng Trong (1777) ; tiêu diệt quân Xiêm xâm lược (1785) ; phong trào Tây Sơn</p>	<p>– Sự phát triển của phong trào Tây Sơn.</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p>5.5. Quang Trung và công cuộc kiến thiết đất nước</p>	<p>phát triển ra Đàng Ngoài, lật đổ chính quyền vua Lê – chúa Trịnh, đặt nền tảng thống nhất đất nước (1788) ; chống xâm lược Thanh (1788 – 1789).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Thuật lại một số trận đánh quan trọng trong tiến trình phát triển của khởi nghĩa nông dân Tây Sơn trên lược đồ.</li> <li>– Kể tên một số nhân vật lịch sử tiêu biểu trong khởi nghĩa nông dân Tây Sơn.</li> <li>– Trình bày những việc làm chính của Quang Trung về kinh tế, chính trị, văn hoá.</li> <li>– Nêu được tác dụng các việc làm của Quang Trung : góp phần ổn định trật tự xã hội, phát triển sản xuất, văn hoá và bảo vệ Tổ quốc.</li> <li>– Lập bảng tóm tắt những công lao chính của Quang Trung đối với sự nghiệp giữ nước chống ngoại xâm và xây dựng đất nước.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Các chiến thắng lớn chống ngoại xâm của quân Tây Sơn : trận Rạch Gầm – Xoài Mút, Ngọc Hồi – Đống Đa.</li> <li>– Một số nhân vật của phong trào Tây Sơn : Nguyễn Huệ (Quang Trung), Ngô Thì Nhậm, Ngô Văn Sở, Đô đốc Long,...</li> </ul>
<p><b>6. Việt Nam nửa đầu thế kỉ XIX</b></p> <p>6.1. Chế độ phong kiến nhà Nguyễn</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Sự ra đời của nhà Nguyễn.</li> <li>– Các chính sách về chính trị, kinh tế của nhà Nguyễn và tác động</li> </ul>	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
6.2. Sự phát triển của văn hoá dân tộc thế kỉ XVIII – nửa đầu thế kỉ XIX	<p>của nó tới tình hình chính trị và kinh tế của xã hội Việt Nam ở nửa đầu thế kỉ XIX.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Các cuộc nổi dậy của nhân dân. Khởi nghĩa Phan Bá Vành, Nông Văn Vân, Cao Bá Quát : những nét chính như mục tiêu, người lãnh đạo, thành phần tham gia, kết quả.</li> <li>– Những tác phẩm văn học, nghệ thuật, công trình tiêu biểu trong thời kì này : tác giả, nội dung chủ yếu, giá trị.</li> <li>– Bước đầu giải thích vì sao trong khi kinh tế, xã hội khủng hoảng mà văn học, nghệ thuật vẫn phát triển.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Lập bảng thống kê các cuộc khởi nghĩa nông dân thời Nguyễn (nửa đầu thế kỉ XIX).</li> <li>– Kết hợp với kiến thức của môn Ngữ văn khi tìm hiểu về sự phát triển của văn hoá.</li> </ul>
<p><b>7. Tổng kết</b></p> <p>Những nét lớn trong quá trình phát triển của lịch sử dân tộc từ thế kỉ X đến giữa thế kỉ XIX</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhớ được tên các triều đại phong kiến Việt Nam đã tồn tại trong thời kì này.</li> <li>– Điểm lại những nét chính phản ánh diễn biến của lịch sử dân tộc trên các mặt chính trị, kinh tế, văn hoá.</li> <li>– Kể tên các cuộc kháng chiến lớn của dân tộc ta.</li> <li>– Kể tên và nêu công lao chính của các nhân vật lịch sử tiêu biểu trong công cuộc dựng nước và giữ nước.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Lập niên biểu các triều đại phong kiến Việt Nam từ thế kỉ X đến giữa thế kỉ XIX.</li> </ul>

### LỚP 8

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
--------	----------------	---------

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<b>A – LỊCH SỬ THẾ GIỚI</b>		
<b>I – LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI (TỪ GIỮA THẾ KỈ XVI ĐẾN NĂM 1917)</b>		
<p><b>1. Cách mạng tư sản và sự xác lập của chủ nghĩa tư bản (từ giữa thế kỉ XVI đến nửa sau thế kỉ XIX)</b></p> <p>1.1. Những cuộc cách mạng tư sản đầu tiên</p>	<p>Học sinh biết :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Những chuyển biến lớn về kinh tế, chính trị, xã hội ở châu Âu trong các thế kỉ XVI – XVII.</li> <li>– Mâu thuẫn ngày càng sâu sắc giữa lực lượng sản xuất mới – tư bản chủ nghĩa với chế độ phong kiến. Từ đó, thấy được cuộc đấu tranh giữa tư sản và quý tộc phong kiến tất yếu sẽ nổ ra.</li> <li>– Cách mạng Hà Lan, cuộc cách mạng tư sản đầu tiên.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Củng cố kiến thức đã học : Sự phát triển sản xuất, nhu cầu về quyền lực chính trị của giai cấp tư sản để mở đường cho kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển.</li> <li>– Mâu thuẫn giữa chính quốc và thuộc địa ở Hà Lan, các thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ thể hiện mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất mới – tư bản chủ nghĩa, với quan hệ sản xuất cũ – quan hệ sản xuất phong kiến.</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Cách mạng tư sản Anh thế kỉ XVII. Ý nghĩa lịch sử và hạn chế</li> </ul>	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p>1.2. Cách mạng tư sản Pháp (1789 — 1794)</p> <p>1.3. Sự xác lập chủ nghĩa tư bản trên phạm vi thế giới</p>	<p>của Cách mạng tư sản Anh.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ mang tính chất một cuộc cách mạng tư sản.</li> <li>– Sự ra đời của Hợp chúng quốc Mĩ — nhà nước tư sản.</li> <li>– Tình hình kinh tế và xã hội nước Pháp trước cách mạng.</li> <li>– Việc chiếm ngục Ba-xti (14 – 7 – 1789) — mở đầu cách mạng.</li> <li>– Diễn biến chính của cách mạng, những nhiệm vụ mà cách mạng đã giải quyết : chống thù trong giặc ngoài, giải quyết các nhiệm vụ dân tộc, dân chủ.</li> <li>– Ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tư sản Pháp.</li> <li>– Một số phát minh chủ yếu về kĩ thuật và quá trình công nghiệp hoá ở các nước Âu – Mĩ từ giữa thế kỉ XVIII đến giữa thế kỉ XIX.</li> <li>– Đánh giá được hệ quả kinh tế, xã hội của cách mạng công nghiệp.</li> <li>– Các cuộc cách mạng tư sản nổ ra ở một số nước với những hình thức khác nhau : thống nhất Đức, thống nhất I-ta-li-a, Minh Trị duy tân ở Nhật, nội chiến ở Mĩ, cải cách nông nô ở Nga.</li> <li>– Trình bày được quá trình xâm lược thuộc địa và sự hình thành hệ thống thuộc địa.</li> <li>– Đôi nét về quá trình đấu tranh giữa chủ nghĩa tư bản và chế độ phong kiến trên phạm vi toàn thế giới.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Tìm hiểu nội dung bức tranh “Tình cảnh nông dân Pháp trước Cách mạng 1789”.</li> <li>– Hạn chế của cách mạng tư sản Pháp : Không giải quyết triệt để vấn đề ruộng đất cho nông dân.</li> <li>– Tìm hiểu một số phát minh lớn trong cách mạng công nghiệp.</li> <li>– Điểm giống nhau và khác nhau giữa cuộc đấu tranh thống nhất Đức và I-ta-li-a.</li> <li>– Chủ nghĩa tư bản được xác lập trên phạm vi thế giới.</li> <li>– Hai giai cấp cơ bản của xã hội tư bản được hình thành : tư sản và vô sản.</li> </ul>
1.4. Phong trào công	– Sự ra đời của giai cấp công nhân gắn liền với sự phát triển của	– Miêu tả theo kênh hình cảnh

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p>nhân và sự ra đời của chủ nghĩa Mác</p>	<p>chủ nghĩa tư bản. Tình cảnh của giai cấp công nhân.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Những cuộc đấu tranh tiêu biểu của giai cấp công nhân trong những năm 30 – 40 của thế kỉ XIX.</li>   <li>– Mác – Ăng-ghe-nhê và sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học : Những hoạt động cách mạng, đóng góp to lớn của hai ông đối với phong trào công nhân quốc tế.</li> <li>– Nội dung tiêu biểu của Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản. Chú ý những nội dung như : Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, sự thắng lợi tất yếu của chủ nghĩa xã hội cũng như sự diệt vong không tránh khỏi của chủ nghĩa tư bản.</li> <li>– Phong trào công nhân quốc tế (Quốc tế thứ nhất) sau khi chủ nghĩa xã hội khoa học ra đời.</li> </ul>	<p>lao động của công nhân mỏ và công nhân dệt.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Tường thuật cuộc đấu tranh của công nhân thành phố Li-ông (Pháp) : “Sống trong lao động, chết trong chiến đấu”.</li> <li>– Miêu tả cảnh đấu tranh trong Phong trào Hiến chương ở Anh (công nhân đưa kiến nghị đến Quốc hội đòi quyền phổ thông bầu cử, đòi tăng lương, giảm giờ làm).</li> </ul>
<p><b>2. Các nước Âu – Mĩ cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX</b> 2.1. Công xã Pa-ri</p>	<p>Học sinh biết và hiểu :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Mâu thuẫn giai cấp ở Pháp trở nên gay gắt và sự xung đột giữa tư sản và công nhân.</li> </ul>	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p>2.2. Các nước đế quốc chủ yếu (cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX)</p> <p>2.3. Phong trào công nhân quốc tế cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX</p> <p>2.4. Sự phát triển của kĩ thuật, khoa học, văn học và nghệ thuật thế kỉ XVIII – XIX</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Công xã Pa-ri ; cuộc khởi nghĩa 18 – 3 – 1871 thắng lợi.</li> <li>– Một số chính sách quan trọng của Công xã Pa-ri.</li> <li>– Ý nghĩa lịch sử của Công xã Pa-ri.</li> <li>– Những nét chính về các nước đế quốc Anh, Pháp, Đức, Mĩ.</li> <li>+ Sự phát triển nhanh chóng về kinh tế.</li> <li>+ Những đặc điểm về chính trị, xã hội.</li> <li>+ Chính sách bành trướng, xâm lược và tranh giành thuộc địa.</li> <li>– Những nét chính yếu nhất về phong trào công nhân quốc tế : Cuộc đấu tranh của công nhân Si-ca-gô (Mĩ) ; sự phục hồi và phát triển phong trào đấu tranh của công nhân các nước ; sự thành lập Quốc tế thứ hai.</li> <li>– Phong trào công nhân Nga và sự ra đời của chủ nghĩa Lê-nin (sự phát triển trong thời kì mới của chủ nghĩa Mác) : Cách mạng 1905 – 1907 ở Nga, V.I. Lê-nin.</li> <li>– Một vài thành tựu tiêu biểu về kĩ thuật, khoa học, văn học, nghệ thuật ; các nhà văn, nhà thơ, nhạc sĩ thiên tài, hoạ sĩ nổi tiếng và một số tác phẩm tiêu biểu của họ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Tường thuật ngày thành lập Hội đồng Công xã (26 – 3 – 1871).</li> <li>– Hội đồng Công xã là cơ quan cao nhất của nhà nước mới.</li> <li>– Công xã Pa-ri là nhà nước kiểu mới.</li> <li>– Tìm hiểu nội dung một số tranh, ảnh về một số cơ sở sản xuất của các nước đế quốc.</li> <li>– Sản xuất phát triển, các nước tư bản lần lượt chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.</li> <li>– Tìm hiểu về cuộc đời và hoạt động cách mạng của V.I. Lê-nin.</li> <li>– Phân tích tính chất tiến bộ của tác phẩm văn học.</li> </ul>



CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<b>3. Châu Á thế kỉ XVIII – đầu thế kỉ XX</b>	<p>Học sinh biết :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Tình hình Trung Quốc trước sự xâm lược của các nước tư bản.</li> <li>– Một số phong trào tiêu biểu từ giữa thế kỉ XIX đến cuộc Cách mạng Tân Hợi (1911) : cuộc vận động Duy tân (1898), phong trào Nghĩa Hoà đoàn, Tôn Trung Sơn và Cách mạng Tân Hợi 1911.</li> <li>– Sự xâm lược của các nước tư bản và phong trào đấu tranh của nhân dân ở Ấn Độ, các nước Đông Nam Á : cuộc khởi nghĩa Xi-pay, hoạt động của Đảng Quốc Đại, phong trào đấu tranh chống thực dân ở In-đô-nê-xi-a, Phi-líp-pin và ba nước Đông Dương.</li> <li>– Cuộc Duy tân Minh Trị và quá trình Nhật Bản trở thành một nước đế quốc.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, trừ nước Xiêm (Thái Lan) còn các nước khác ở Đông Nam Á đều trở thành thuộc địa của các nước đế quốc.</li> <li>– Sự bành trướng của đế quốc Nhật hồi cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX.</li> </ul>
<b>4. Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918)</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Những nét chính về mâu thuẫn giữa các nước đế quốc và sự hình thành hai khối quân sự ở châu Âu : khối Liên minh (Đức, Áo – Hung, I-ta-li-a) và khối Hiệp ước (Anh, Pháp, Nga). Chiến tranh thế giới thứ nhất là cách giải quyết mâu thuẫn giữa đế quốc và đế quốc.</li> <li>– Sơ lược diễn biến của chiến tranh qua hai giai đoạn : <ul style="list-style-type: none"> <li>+ 1914 – 1916 : Ưu thế thuộc về Đức, Áo – Hung.</li> <li>+ 1917 – 1918 : Ưu thế thuộc về Anh, Pháp.</li> </ul> </li> <li>– Hậu quả của chiến tranh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Rèn luyện kĩ năng sử dụng một số đồ dùng trực quan để trình bày diễn biến cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất.</li> <li>– Giải thích : Chiến tranh thế giới thứ nhất là cuộc chiến tranh đế quốc, phi nghĩa.</li> </ul>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<b>5. Tổng kết, ôn tập</b>	– Tiến trình lịch sử thế giới cận đại và những nội dung chính của thời kì này.	– Cách mạng tư sản và sự phát triển của chủ nghĩa tư bản. – Phong trào công nhân và phong trào giải phóng dân tộc thế giới.
<b>II – LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI (PHẦN TỪ NĂM 1917 ĐẾN NĂM 1945)</b>		
<b>1. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 và công cuộc xây dựng CNXH ở Liên Xô (1921 □ 1941)</b>	– Sự bùng nổ Cách mạng tháng Hai năm 1917 và từ Cách mạng tháng Hai đến Cách mạng tháng Mười năm 1917. Kết quả của cuộc Cách mạng tháng Hai và tình trạng hai chính quyền song song tồn tại. – Cách mạng tháng Mười năm 1917 : diễn biến chính, ý nghĩa lịch sử.  – Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô (1921 – 1941) : những thành tựu (trong một thời gian ngắn đã đưa Liên Xô trở thành cường quốc về công nghiệp, nông nghiệp, quân sự) ; một số sai lầm thiếu sót.	– Cách mạng tháng Mười là cuộc cách mạng vô sản đầu tiên thắng lợi, mở ra một thời đại mới trong lịch sử loài người.  – Sự tranh ảnh về thành tựu xây dựng chủ nghĩa xã hội của Liên Xô thời kì này.
<b>2. Châu Âu và nước Mĩ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 – 1939)</b> 2.1. Châu Âu giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 – 1939)	Học sinh biết : – Những nét khái quát về tình hình châu Âu trong những năm 1918 — 1939 : hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ nhất, sự phát triển kinh tế, ổn định tạm thời và khủng hoảng.	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p>2.2. Nước Mĩ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 — 1939)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Sự phát triển của phong trào cách mạng (1918 – 1923) ở châu Âu và sự thành lập Quốc tế Cộng sản (chú ý các Đại hội II, V, VII) ; cách mạng ở Đức ; Đảng Cộng sản được thành lập ở các nước ; phong trào cách mạng thế giới□</li> <li>– Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 – 1933) và tác động của nó đối với châu Âu : nguyên nhân, diễn biến chính, hậu quả.</li> <li>– Chủ nghĩa phát xít thắng lợi ở một số nước, nguy cơ chiến tranh.</li> <li>– Sự phát triển nhanh chóng của kinh tế Mĩ và nguyên nhân của sự phát triển.</li> <li>– Tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 – 1933) và “Chính sách mới” nhằm đưa nước Mĩ thoát ra khỏi khủng hoảng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Chú ý sự phát triển của phong trào cách mạng và việc thành lập Quốc tế Cộng sản.</li> <li>– Nắm được một số biểu hiện cụ thể của khủng hoảng kinh tế thế giới.</li> <li>– Tìm hiểu khái niệm “chủ nghĩa phát xít”.</li> <li>– Lí giải sự phát triển nhanh về kinh tế của Mĩ : tham gia chiến tranh muộn, ít bị tổn thất, là nước thắng trận, bán được vũ khí...</li> </ul>
<p><b>3. Châu Á giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 – 1939)</b></p> <p>3.1. Nhật Bản giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 – 1939)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Những nét khái quát về tình hình kinh tế – xã hội Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ nhất ; những nguyên nhân chính dẫn tới quá trình “phát xít hoá” ở Nhật Bản và hậu quả của nó : tăng cường chính sách quân sự hoá đất nước, gây chiến tranh xâm lược bành trướng ra bên ngoài, giai cấp công nhân tích cực tham gia cuộc đấu tranh, thiết lập chế độ phát xít (sử dụng rộng rãi bộ máy quân sự,...).</li> </ul>	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
3.2. Phong trào độc lập dân tộc ở châu Á (1919 – 1939)	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Những nét chung về phong trào độc lập dân tộc ở châu Á ; cách mạng Trung Quốc và phong trào độc lập dân tộc ở Đông Nam Á trong thời kì này : diễn biến của phong trào, sự tham gia của giai cấp công nhân vào cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, sự thành lập các Đảng Cộng sản (Trung Quốc, Ấn Độ,...).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Thảo luận : Nêu một vài nét mới trong phong trào đấu tranh ở Trung Quốc và các nước Đông Nam Á.</li> </ul>
<b>4. Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 □ 1945)</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Những nét chính về quá trình dẫn đến chiến tranh : nguyên nhân chiến tranh.</li> <li>– Trình bày (sơ lược) về mặt trận ở châu Âu và mặt trận Thái Bình Dương : Chiến tranh bùng nổ ở châu Âu, lan nhanh ra khắp thế giới ; Liên Xô tham gia mặt trận chống phát xít, làm cho tính chất chiến tranh thay đổi ; những trận chiến lớn, chiến tranh kết thúc.</li> <li>– Hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Tường thuật một số trận đánh lớn theo lược đồ.</li> <li>– Trao đổi : Vì sao tính chất của chiến tranh thay đổi khi nhân dân Liên Xô tiến hành cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc ?</li> </ul>
<b>5. Sự phát triển của khoa học – kĩ thuật và văn hoá thế giới nửa đầu thế kỉ XX</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Những tiến bộ vượt bậc của khoa học – kĩ thuật thế giới đầu thế kỉ XX.</li> <li>– Sự hình thành và phát triển nền văn hoá Xô viết.</li> <li>– Những tiến bộ của khoa học – kĩ thuật cần được sử dụng vì những lợi ích của loài người.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Kể câu chuyện về một nhà văn, nhà khoa học, hoặc phát minh kĩ thuật mà em yêu thích nhất (thuộc thời kì này).</li> <li>– Một số tiến bộ về khoa học – kĩ thuật.</li> </ul>
<b>6. Ôn tập lịch sử thế giới hiện đại (phần từ năm 1917 đến năm 1945)</b>	<p>Nêu được những nội dung chính đã học và những sự kiện lịch sử tiêu biểu :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga.</li> <li>– Cao trào cách mạng ở châu Âu (1918 – 1923).</li> <li>– Phong trào cách mạng ở châu Á.</li> </ul>	<p>Học sinh tiến hành ôn tập các vấn đề đã nêu dưới sự hướng dẫn của giáo viên.</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 – 1933) và Chiến tranh thế giới thứ hai.</li> <li>– Lập niên biểu những sự kiện chủ yếu từ năm 1917 đến năm 1945.</li> </ul>	
<b>B – LỊCH SỬ VIỆT NAM</b>		
<b>LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1858 ĐẾN NĂM 1918</b>		
<b>1. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1858 – 1884)</b>	<p>Trình bày :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nguyên nhân thực dân Pháp xâm lược nước ta.</li> <li>– Âm mưu xâm lược của chúng.</li> <li>– Quá trình xâm lược của thực dân Pháp : tấn công Đà Nẵng và sự thất bại của chúng ; tấn công Gia Định, mở rộng đánh chiếm các tỉnh miền Tây Nam Kỳ ; Hiệp ước 1862 (những nét chính).</li> <li>– Phong trào đấu tranh chống Pháp của nhân dân ta.</li> <li>– Thái độ và trách nhiệm của triều đình nhà Nguyễn trong việc để mất ba tỉnh miền Tây (không kiên quyết chống giặc, không phát huy được tinh thần quyết tâm đánh giặc của nhân dân,...).</li> <li>– Các hình thức đấu tranh phong phú của phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân Nam Kỳ (diễn biến, kết quả).</li> <li>– Những đề nghị canh tân đất nước : nội dung, lí do không được chấp nhận.</li> </ul>	<p>Chú ý :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Âm mưu xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp.</li> <li>– Nội dung Hiệp ước 1862 : thừa nhận sự cai quản của Pháp đối với ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ, bồi thường cho Pháp, mở ba cửa biển cho Pháp thông thương...</li> <li>– Trình bày cuộc khởi nghĩa của Trương Định, Nguyễn Trung Trực.</li> <li>– Chú ý tìm hiểu về Nguyễn Trường Tộ, những đề nghị canh tân đất nước của ông.</li> </ul>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Âm mưu của thực dân Pháp sau khi chiếm được Nam Kỳ, chuẩn bị đánh chiếm Bắc Kỳ : xâm lược cả nước Việt Nam.</li> <li>– Thái độ của triều đình Huế trước việc thực dân Pháp đánh chiếm Bắc Kỳ.</li> <li>– Sự chống trả quyết liệt của quân dân Hà Nội và các địa phương khác ở Bắc Kỳ trước cuộc tấn công của thực dân Pháp.</li> <li>– Những điểm chính của các hiệp ước 1883 và 1884.</li>   <li>– Trách nhiệm của triều đình Huế đối với việc để mất nước vào tay Pháp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Chú ý nội dung các hiệp ước :</li> <li>+ Hiệp ước 1883 (Hiệp ước Hác-măng) : Về căn bản Việt Nam đã mất quyền tự chủ trên phạm vi toàn quốc, triều đình Huế đã chính thức thừa nhận sự bảo hộ của Pháp...</li> <li>+ Hiệp ước 1884 (Hiệp ước Pa-tơ-nốt) : Đặt cơ sở lâu dài và chủ yếu cho quyền đô hộ của Pháp ở Việt Nam.</li> </ul>
<p><b>2. Phong trào chống Pháp trong những năm cuối thế kỉ XIX (từ sau năm 1885)</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Việc phân hoá trong triều đình Huế từ sau Hiệp ước 1884 : phe chủ chiến và phe chủ hoà.</li> <li>– Cuộc phản công ở kinh thành Huế của phái chủ chiến (1885).</li> <li>– Những cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào Cần vương : khởi nghĩa Ba Đình, khởi nghĩa Bãi Sậy, khởi nghĩa Hương Khê (thời gian, người lãnh đạo, kết quả, ý nghĩa).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Giới thiệu về vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết.</li> <li>– Hình thành khái niệm “Cần vương”.</li> <li>– Trình bày theo lược đồ các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào Cần vương. Những nét chung của phong trào.</li> </ul>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Phong trào nông dân Yên Thế : thời gian tồn tại, diễn biến, nguyên nhân thất bại, ý nghĩa.</li> </ul>	
<b>3. Xã hội Việt Nam trong những năm cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Cuộc khai thác lần thứ nhất của thực dân Pháp ở Việt Nam : mục đích, kế hoạch, nội dung, cách tiến hành.</li> <li>– Những chuyển biến về kinh tế : xuất hiện đồn điền, mỏ, cơ sở sản xuất công nghiệp nhẹ, đường sắt.</li> <li>– Những chuyển biến về xã hội, sự ra đời các giai cấp, tầng lớp mới : công nhân, tư sản dân tộc và tư sản mại bản.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Phân tích mục đích khai thác của Pháp ở Việt Nam.</li> <li>– Tìm hiểu các khái niệm ”tư sản dân tộc”, “tư sản mại bản”.</li> </ul>
<b>4. Phong trào yêu nước chống Pháp trong những năm đầu thế kỉ XX đến năm 1918</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Bước đầu hiểu mục đích, tính chất, hình thức của phong trào yêu nước Việt Nam đầu thế kỉ XX : yêu nước mang màu sắc dân chủ tư sản, hình thức bạo động và cải cách.</li> <li>– Nêu nguyên nhân, diễn biến của phong trào Đông du, Đông Kinh nghĩa thực, cuộc vận động Duy tân và phong trào chống thuế ở Trung Kỳ.</li> <li>– Nhận thức được những hạn chế của các phong trào.</li> <li>– Đặc điểm phong trào đấu tranh của nhân dân ta trong thời gian Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918) : nổ ra nhiều cuộc khởi nghĩa của binh lính, hình thức đấu tranh vũ trang ; các cuộc đấu tranh trong thời gian này đều thất bại.</li> <li>– Trình bày vụ mưu khởi nghĩa của binh lính ở Huế và cuộc khởi nghĩa của binh lính ở Thái Nguyên.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Tìm hiểu về Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh.</li> <li>– Tìm hiểu về vua Duy Tân : những biểu hiện của tinh thần yêu nước.</li> </ul>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Bước đầu hoạt động yêu nước của Nguyễn Tất Thành : quyết chí ra đi tìm con đường cứu nước mới, cuộc hành trình và quá trình chuyển biến về tư tưởng.</li> </ul>	
<p><b>5. Ôn tập Lịch sử Việt Nam từ năm 1858 đến năm 1918</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Phong trào đấu tranh chống xâm lược từ năm 1858 đến những năm cuối thế kỉ XIX : các giai đoạn, nội dung, tính chất.</li> <li>– Trách nhiệm của nhà Nguyễn trong việc để mất nước ta.</li> <li>– Chỉ ra những nét mới trong phong trào đấu tranh của nhân dân ta những năm cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX.</li> <li>+ Về chủ trương đường lối : giành độc lập dân tộc, xây dựng một chế độ xã hội tiến bộ.</li> <li>+ Biện pháp đấu tranh : phong phú.</li> <li>+ Thành phần tham gia : đông đảo, nhiều tầng lớp xã hội,...</li> <li>– Nêu lên sự biến chuyển về kinh tế và phân hoá xã hội của Việt Nam qua cuộc khai thác lần thứ nhất của thực dân Pháp.</li> <li>– Trình bày các phong trào đấu tranh và tính chất của các phong trào đó.</li> <li>– Bước đầu phân tích nguyên nhân thất bại của các phong trào.</li>   <li>– Bước đầu hoạt động yêu nước của Nguyễn Tất Thành : quyết định ra đi tìm con đường cứu nước mới, cuộc hành trình và sự chuyển biến về tư tưởng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Khủng hoảng đường lối cứu nước và lực lượng lãnh đạo được thể hiện ở những điểm nào ?</li> <li>– Những chuyển biến về tình cảm, tư tưởng của Nguyễn Tất Thành trong quá trình đi tìm đường cứu nước.</li> </ul>





CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p><b>2. Các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh từ năm 1945 đến nay</b></p>	<p>– Biết được tình hình chung ở các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh về các vấn đề chủ yếu :</p> <p>+ Quá trình giành độc lập với các hình thức, mức độ khác nhau.</p> <p>+ Sự phát triển sau khi giành được độc lập.</p> <p>+ Sự hợp tác giữa các nước đang phát triển.</p> <p>– Trung Quốc :</p> <p>+ Sự ra đời nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa – Ý nghĩa lịch sử.</p> <p>+ Những thành tựu trong 10 năm xây dựng chế độ mới (1949 — 1959), kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1953 — 1957).</p> <p>+ Trung Quốc trong thời kì biến động (1959 — 1978) : đường lối “Ba ngọn cờ hồng” và “Đại nhảy vọt”, “Đại cách mạng văn hoá vô sản “ ; hậu quả.</p> <p>+ Công cuộc cải cách, mở cửa ở Trung Quốc từ cuối năm 1978 đến nay và ý nghĩa của nó.</p> <p>– Các nước Đông Nam Á :</p> <p>+ Các nước Đông Nam Á từ sau năm 1945 lần lượt giành được độc lập.</p> <p>+ Sự ra đời và phát triển của ASEAN – từ “ASEAN 6” thành “ASEAN 10” (các nước thành viên).</p>	<p>nước Đông Âu.</p> <p>– Nêu được các giai đoạn phát triển của phong trào giải phóng dân tộc từ sau năm 1945 và một số sự kiện tiêu biểu trong mỗi giai đoạn.</p> <p>– Vấn đề nổi bật của châu Á là trong mấy thập niên gần đây đã đạt được sự tăng trưởng nhanh chóng về kinh tế.</p> <p>– Một số ảnh về các thành tựu của Trung Quốc trong những năm gần đây.</p> <p>– Nêu tên 10 nước đã gia nhập ASEAN.</p> <p>– Thời gian Việt Nam chính thức gia nhập ASEAN và ý nghĩa của sự kiện này.</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Các nước châu Phi : tình hình chung từ sau năm 1945 ; nước Cộng hoà Nam Phi và cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc.</li> <li>– Các nước Mĩ La-tinh : những nét chung về xây dựng và phát triển đất nước ; Cu Ba – sự thắng lợi của cách mạng dân chủ nhân dân, tiến lên chủ nghĩa xã hội.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Tìm hiểu thêm về Nen-xơn Man-đê-la</li> <li>– Tìm hiểu thêm về Phi-đen Ca-xtơ-rô.</li> </ul>
<b>3. Mĩ, Nhật Bản, Tây Âu từ năm 1945 đến nay</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nêu được những nét lớn về tình hình kinh tế, khoa học – kĩ thuật, văn hoá, chính trị, xã hội của Mĩ, Nhật Bản, Tây Âu. Chú ý : <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Sự phát triển khoa học – kĩ thuật của Mĩ. Chính sách đối nội, đối ngoại của Mĩ sau chiến tranh.</li> <li>+ Sự khôi phục và phát triển nhanh chóng về kinh tế của Nhật Bản. Chính sách đối nội, đối ngoại của Nhật Bản.</li> <li>– Sự liên kết khu vực ở châu Âu.</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Vì sao nước Mĩ lại trở thành nước tư bản giàu mạnh nhất thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ hai ?</li> <li>– Sự phát triển kinh tế “thần kì” của Nhật Bản và nguyên nhân của nó.</li> <li>– Lập niên biểu về sự thành lập các tổ chức liên kết kinh tế ở châu Âu.</li> </ul>
<b>4. Quan hệ quốc tế từ năm 1945 đến nay</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Biết những nội dung cơ bản của quan hệ quốc tế từ năm 1945 đến năm 1991 : thời kì căng thẳng giữa hai phe, hai khối, đứng đầu là Mĩ và Liên Xô.</li> <li>– Sự hình thành trật tự thế giới mới, nhiệm vụ, vai trò của Liên hợp quốc.</li> <li>– Đặc điểm trong quan hệ quốc tế từ năm 1991 đến nay : hoà hoãn, đa cực, lấy kinh tế làm trọng điểm, xung đột khu vực (bốn xu thế phát triển).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Thế nào là “chiến tranh lạnh” (biểu hiện cụ thể).</li> </ul>
<b>5. Cách mạng khoa học – kĩ thuật từ năm 1945 đến nay</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Biết những thành tựu chủ yếu của cách mạng khoa học – kĩ thuật : máy tính điện tử ; vật liệu mới ; “cách mạng xanh” ; chinh phục vũ trụ,...</li> </ul>	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Đánh giá ý nghĩa, tác động tích cực và hậu quả tiêu cực của cách mạng khoa học – kĩ thuật : những tiến bộ về khoa học – kĩ thuật và hạn chế của việc áp dụng khoa học — kĩ thuật vào sản xuất.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nêu suy nghĩ về việc môi trường bị ô nhiễm.</li> </ul>
<p><b>6. Tổng kết, ôn tập</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nội dung chính của lịch sử thế giới từ sau năm 1945 đến nay.</li> <li>– Các xu thế phát triển của thế giới hiện nay.</li> </ul>	<p>Lập niên biểu những sự kiện lớn của lịch sử thế giới hiện đại từ năm 1945 đến nay.</p>
<b>B – LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NAY</b>		
<p><b>1. Việt Nam trong những năm 1919 – 1930</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp trong các lĩnh vực : nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp, tài chính, thuế,...</li> <li>– Sự biến đổi về mặt kinh tế, xã hội trên đất nước ta.</li> <li>+ Nông nghiệp : nông dân bị bán cùng hoá, ... địa chủ phong kiến cấu kết với đế quốc để áp bức bóc lột nông dân.</li> <li>+ Công nghiệp : số công nhân tăng, bị bóc lột nặng nề...</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– So sánh với cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của Pháp ở Việt Nam về mục đích, quy mô.</li> <li>– Lưu ý : mối liên hệ giữa sự biến đổi về kinh tế, xã hội và phong trào yêu nước, cách mạng.</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Công thương nghiệp, giao thông vận tải : giai cấp tư sản Việt Nam và tiểu tư sản tăng về số lượng, bị chèn ép...</li> <li>+ Phân tích mâu thuẫn cơ bản trong xã hội : nông dân với địa chủ phong kiến ; toàn thể dân tộc ta với thực dân Pháp.</li> <li>– Phong trào yêu nước và phong trào công nhân ở nước ta trong những năm 1919 — 1929.</li> <li>– Các hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở nước ngoài từ năm 1919 đến năm 1925, nêu được ý nghĩa và tác dụng của những hoạt động đó đối với phong trào giải phóng dân tộc ở nước ta.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Lập niên biểu về phong trào yêu nước và phong trào công nhân từ năm 1919 đến năm 1929.</li> <li>– Lập niên biểu về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1919 đến năm 1925.</li> </ul>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Sự ra đời và hoạt động của ba tổ chức cộng sản : Đông Dương cộng sản đảng, An Nam cộng sản đảng, Đông Dương cộng sản liên đoàn.</li> <li>– Việt Nam Quốc dân đảng và cuộc khởi nghĩa Yên Bái.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Ảnh hưởng của sự hoạt động riêng rẽ của các tổ chức cộng sản đối với phong trào cách mạng Việt Nam lúc bấy giờ.</li> <li>– Tìm hiểu thêm về Nguyễn Thái Học và diễn biến của khởi nghĩa Yên Bái (lược đồ).</li> </ul>
<p><b>2. Việt Nam trong những năm 1930 – 1939</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam : thời gian, địa điểm, nội dung và ý nghĩa lịch sử.</li> <li>– Vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong việc thành lập Đảng.</li>   <li>– Phong trào cách mạng trong những năm 1930 — 1931. Trình bày đôi nét về Xô viết Nghệ – Tĩnh.</li>   <li>– Những diễn biến chính của phong trào dân chủ những năm 1936 – 1939 : Mặt trận Dân chủ Đông Dương, ý nghĩa.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Lí giải sự cần thiết phải thống nhất các tổ chức cộng sản.</li> <li>– Giới thiệu được nội dung quan trọng nhất trong cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng : mục tiêu, động lực, tổ chức lãnh đạo cách mạng.</li> <li>– Vẽ lược đồ, chỉ những nơi diễn ra đấu tranh trong phong trào cách mạng 1930 – 1931.</li> <li>– Nêu một số sự kiện cụ thể và hoạt động của Xô viết Nghệ – Tĩnh</li> <li>– Đưa “dân nguyện”, cuộc mít tinh ngày 1-5-1938 tại Khu Đấu xảo, Hà Nội.</li> </ul>
<p><b>3. Cuộc vận động tiến tới Cách mạng tháng Tám năm 1945</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Tình hình thế giới và Đông Dương trong năm 1939 — 1945 ; các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kỳ và binh biến Đô Lương : nguyên nhân bùng nổ, diễn biến chính, ý nghĩa.</li> <li>– Tình cảnh nhân dân ta dưới hai tầng áp bức của Nhật – Pháp ; các chủ trương của Hội nghị Trung ương Đảng tháng 5-1941 (chú ý việc đặt vấn đề dân tộc lên hàng đầu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Ghi nhớ việc quân Nhật vào Việt Nam làm cho nhân dân càng thêm khổ cực.</li> <li>– Sưu tầm tranh ảnh, tài liệu về nạn đói 1944 — 1945.</li> <li>– Hồ Chí Minh ở Pác Bó.</li> </ul>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>và vai trò của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Sự ra đời của Mặt trận Việt Minh và việc xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang trên khắp các vùng trong cả nước.</li> <li>– Cao trào kháng Nhật, cứu nước : nét chính về diễn biến, khí thế cách mạng sôi nổi, rộng khắp trong cả nước, bước phát triển mới của lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, sự kết hợp giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, chính quyền cách mạng bắt đầu hình thành.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Chỉ trình bày những sự kiện chính : bối cảnh ra đời của Mặt trận Việt Minh, sự thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân.</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Thời cơ khởi nghĩa và lệnh tổng khởi nghĩa.</li> <li>– Cuộc tổng khởi nghĩa trong toàn quốc (diễn biến, đặc biệt chú ý khởi nghĩa ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn).</li> <li>– Thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và ra bản Tuyên ngôn Độc lập.</li> <li>– Ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thành công của Cách mạng tháng Tám 1945.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Phân tích Đảng đã nắm được thời cơ và quyết tâm khởi nghĩa như thế nào.</li> <li>– Liên hệ với cuộc khởi nghĩa ở địa phương.</li> </ul>
<p><b>4. Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám đến toàn quốc kháng chiến (1945 – 1946)</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận rõ tình hình nước ta sau Cách mạng tháng Tám 1945 : chính quyền dân chủ nhân dân ở trong tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”, về thù trong giặc ngoài, những khó khăn do thiên tai, hậu quả của chế độ thuộc địa,...</li> <li>– Trình bày được những biện pháp giải quyết khó khăn trước mắt và phần nào chuẩn bị cho lâu dài : xây dựng nền móng của chính quyền nhân dân ; diệt giặc đói, giặc dốt và giặc ngoài xâm ; hoàn cảnh, ý nghĩa của việc kí Hiệp định Sơ bộ 6-3-1946 và Tạm ước 14-9-1946 ; ý nghĩa của những</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Sơ tư tranh ảnh, tài liệu về diệt “giặc dốt”, mở trường học (giới thiệu thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi học sinh nhân ngày khai giảng đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng</li> </ul>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	kết quả bước đầu.	hoà, tháng 9 — 1945).
<b>5. Việt Nam từ cuối năm 1946 đến năm 1954</b>	<p>Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 — 1950).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. Đường lối kháng chiến.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Năm một số điểm chủ yếu trong Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến : chúng ta muốn hoà bình nên chúng ta phải nhân nhượng ; thà hi sinh tất cả chứ quyết không chịu làm nô lệ, toàn dân kháng chiến.</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Cuộc chiến đấu anh dũng của quân dân Thủ đô Hà Nội và các đô thị phía bắc vĩ tuyến 16 trong những ngày đầu kháng chiến toàn quốc ; đôi nét về diễn biến và ý nghĩa.</li> <li>– Các biện pháp chính của Chính phủ chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài.</li> <li>– Chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947 : âm mưu của thực dân Pháp khi tấn công lên Việt Bắc và cuộc chiến đấu của quân dân ta : tóm tắt diễn biến, kết quả, ý nghĩa.</li> <li>– Bước phát triển mới của cuộc kháng chiến từ năm 1948 đến năm 1953 : đẩy mạnh kháng chiến toàn dân, toàn diện. Chiến dịch Biên giới thu – đông 1950. Chủ động mở nhiều chiến dịch đánh địch 1951 — 1952 (chiến dịch Hoà Bình – Tây Bắc).</li> <li>– Những kết quả chính đã đạt được trong công cuộc xây dựng hậu phương về mọi mặt từ năm 1951 đến năm 1953 ; ý nghĩa của những sự kiện đó.</li> <li>– Đặt quan hệ ngoại giao với các nước.</li> <li>– Đôi nét về Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Lược đồ chiến dịch Việt Bắc thu – đông 1947.</li> <li>– Lược đồ chiến dịch Biên giới thu – đông 1950.</li> <li>– Hồ Chí Minh đi chiến dịch Biên giới ; tinh thần chiến đấu dũng cảm của chiến sĩ – tiêu biểu là hành động của La Văn Cầu.</li> <li>– Ý nghĩa của việc xây dựng hậu phương.</li> </ul>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>Đảng (2-1951).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Cuộc tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 — 1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ.</li> <li>+ Âm mưu, thủ đoạn mới của thực dân Pháp và can thiệp Mĩ với kế hoạch Na-va nhằm giành lại thế chủ động, “kết thúc chiến tranh trong danh dự” và tính chất nguy hiểm của kế hoạch này đã gây cho ta không ít khó khăn mới.</li> <li>+ Tác động và ảnh hưởng của việc xây dựng hậu phương vững mạnh.</li> <li>+ Chiến lược của ta nhằm chủ động từng bước phá vỡ kế hoạch Na-va, chiến cuộc Đông – Xuân 1953 – 1954.</li> <li>+ Diễn biến chính của chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ. Ý nghĩa thắng lợi.</li> <li>– Những nét chính về quá trình đấu tranh ngoại giao tại Hội nghị Giơ-ne-vơ năm 1954 và tác động của chiến thắng Điện Biên Phủ ; giới thiệu ngắn gọn nội dung cơ bản của Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về Đông Dương.</li> <li>– Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Chú ý :</li> <li>+ Kế hoạch Na-va.</li> <li>+ Pháp xây dựng tập đoàn cứ điểm ở Điện Biên Phủ.</li> <li>+ Chủ trương của ta và diễn biến của chiến dịch Điện Biên Phủ (một vài sự kiện cụ thể về tinh thần anh dũng của quân dân ta).</li> </ul>
<p><b>6. Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975</b></p> <p>6.1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh chống đế quốc Mĩ và chính quyền Sài Gòn ở miền Nam (1954 – 1965)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nắm được những điểm chính về tình hình nước ta sau năm 1954.</li> <li>– Nắm được những thành tựu chính của nhân dân miền Bắc : hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, cải tạo quan hệ sản xuất.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Phân tích được ý nghĩa của các thành tựu đó.</li> </ul>



CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p>6.2. Cả nước trực tiếp chiến đấu chống Mĩ cứu nước (1965 – 1973)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nắm được những sự kiện chính trong phong trào đấu tranh của nhân dân miền Nam (1954 – 1960) : chống “tố cộng”, “diệt cộng”, đòi tự do, dân chủ, dân sinh ; hoàn cảnh nổ ra, diễn biến và ý nghĩa của phong trào “Đồng khởi” (1959 – 1960).</li> <li>– Nắm được hoàn cảnh, nội dung chính của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9-1960).</li> <li>– Những thành tựu chính về chính trị, kinh tế, văn hoá của nhân dân miền Bắc trong kế hoạch 5 năm (1961 – 1965).</li> <li>– Miền Nam chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ (1961 – 1965) ; âm mưu của Mĩ ; trận Ấp Bắc. Cuộc đấu tranh chính trị trong các thành phố ; sự phá sản của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ.</li> <li>– Nắm được những nét chính của cuộc chiến đấu của nhân dân miền Nam chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, “Việt Nam hoá chiến tranh” và “Đông Dương hoá chiến tranh” của Mĩ : sơ lược âm mưu của đế quốc Mĩ ; chiến thắng Vạn Tường ; cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968), cuộc tiến công chiến lược năm 1972 và ý nghĩa của các chiến thắng đó.</li> <li>– Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mĩ, vừa sản xuất và chi viện cho miền Nam : chuyển từ sản xuất trong thời bình sang thời chiến, chống chiến tranh phá hoại, thực hiện nghĩa vụ hậu phương lớn.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Chú ý : + Tội ác của Mĩ – Diệm. + Cuộc chiến đấu của quân dân miền Nam từ năm 1954 đến năm 1965 (sưu tầm, sử dụng kênh hình và các loại đồ dùng trực quan khác).</li> <li>– Nêu được những thành tựu của miền Bắc trong việc thực hiện kế hoạch 5 năm (1961 – 1965).</li> <li>– Sự thất bại các chiến lược chiến tranh xâm lược của Mĩ từ năm 1965 đến 1975.</li> <li>– Cuộc đấu tranh ở hai miền Nam – Bắc.</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nắm được những điểm chính của Hiệp định Pa-ri năm 1973 về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam.</li> </ul>	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p>6.3. Hoàn thành giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1973 – 1975)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nắm được những điểm chính của tình hình nước ta sau khi kí Hiệp định Pa-ri : Miền Bắc khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế – văn hoá, chi viện đăc lực cho miền Nam ; miền Nam đău tranh đòi thi hành Hiệp định Pa-ri (1973 – 1975).</li> <li>– Nắm được những mốc chính của cuộc Tổng tiến công và nổi dậỵ mùa Xuân 1975 và chiến dịch Hồ Chí Minh : kế hoạch và quyết tâm giải phóng miền Nam, các chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch Huế – Đà Nẵng, chiến dịch Hồ Chí Minh hoàn toàn giải phóng miền Nam. Bước đầu phân tích được nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Tình hình nước ta sau khi kí Hiệp định Pa-ri 1973.</li> <li>– Các chiến dịch trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậỵ mùa Xuân 1975 (sử dụng tranh ảnh).</li> <li>– Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước.</li> </ul>
<p><b>7. Việt Nam từ năm 1975 đén nay</b></p> <p>7.1. Việt Nam trong năm đầu sau đăi thắng mùa Xuân 1975</p> <p>7.2. Xây dựng đấđ nước, đău tranh bảo vệ Tổ quốc (1976 – 1985)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nêu được tình hình hai miền Bắc – Nam sau đăi thắng mùa Xuân 1975.</li> <li>– Ý nghĩa của cuộc tổng tuyển cử ngày 25-4-1976.</li> <li>– Trình bày được nội dung cơ bản kì họp đầu tiên của Quốc hội khoá VI (cuối tháng 6 đầu tháng 7-1976) : thành lập nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cử chính phủ thống nhất trong cả nước, đỏi tên thành phố Sài Gòn – Gia Định là Thành phố Hồ Chí Minh.</li> <li>– Nắm được nội dung cơ bản của Đăi hội đăi biểu toàn quốc lần thứ IV của Đăng (12-1976) :</li> <li>+ Chỉ ra nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong giai đọan mới là cả nước tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa.</li> <li>+ Quyết định về đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– So sánh với cuộc tổng tuyển cử lần thứ nhất ngày 6 – 1 – 1946 : điều kiện xã hội.</li> <li>– Nắm được nội dung cơ bản kì họp đầu tiên của Quốc hội khoá VI.</li> </ul>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Về nhiệm vụ của hai kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 – 1985).</li> <li>+ Về việc đổi tên Đảng thành Đảng Cộng sản Việt Nam.</li> <li>+ Nêu được những thành tựu bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước.</li> <li>– Trình bày cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới Tây – Nam và biên giới phía Bắc ; ý nghĩa của nó.</li> </ul>	
7.3. Việt Nam trên đường đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội (từ 1986 đến nay)	– Công cuộc đổi mới đất nước, thành tựu ban đầu, việc mở rộng quan hệ ngoại giao với các nước trên thế giới và trong khu vực (là thành viên của tổ chức ASEAN,...).	– Thấy được tầm quan trọng và ý nghĩa của đường lối đổi mới của Đảng.
<b>8. Ôn tập : Tổng kết lịch sử Việt Nam từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến nay</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nắm được những nội dung quan trọng và những sự kiện, nhân vật lịch sử tiêu biểu.</li> <li>– Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.</li> </ul>	– Chỉ nêu các giai đoạn chính và các đặc điểm lớn gắn liền với từng giai đoạn trong tiến trình lịch sử Việt Nam từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến nay.

#### IV – GIẢI THÍCH — HƯỚNG DẪN

##### 1. Về phương pháp dạy học

– Chương trình nhấn mạnh yêu cầu khắc phục lối truyền thụ một chiều còn khá phổ biến hiện nay, chuyển mạnh sang việc dạy học phát huy tính tích cực của học sinh, chú trọng rèn luyện kỹ năng, bồi dưỡng năng lực tư duy sáng tạo của người học, khả năng vận dụng kiến thức đã biết vào các tình huống mới (trong học tập và đời sống xã hội).

– Trước hết cần chú trọng đảm bảo tính cụ thể, tính hình ảnh, khả năng gây xúc cảm của các thông tin về các sự kiện, nhân vật lịch sử, bối cảnh xã hội,... bằng cách cho học sinh tiếp cận nhiều nguồn tư liệu lịch sử khác nhau, sử dụng nhiều phương tiện trực quan khác nhau phù hợp với điều kiện dạy học cụ thể.

– Chú trọng tổ chức các hoạt động tự học tập của học sinh (như làm các bài tập Lịch sử ở lớp, ở nhà : tra cứu tài liệu, sưu tầm tư liệu các loại về một chủ đề ; trình bày diễn biến sự việc trên bản đồ trống,...).

– Trao đổi, thảo luận là điều cần làm. Cần tạo ra không khí thoải mái, dân chủ, khuyến khích học sinh trình bày ý kiến riêng, nhìn nhận và đánh giá lịch sử từ nhiều góc độ khác nhau, tránh áp đặt, bắt buộc học sinh tiếp nhận một cách thụ động kết luận của giáo viên. Chú trọng rèn luyện khả năng lập luận, trình bày vấn đề cho học sinh.

– Tìm hiểu, nắm bắt những hiểu biết, kinh nghiệm đã có của học sinh, những điều học sinh đang quan tâm, ham thích ; tận dụng những điều đó trong quá trình hình thành kiến thức, kĩ năng mới. Những gì học sinh có thể nói được, làm được thì giáo viên không làm thay.

– Nội dung dạy học không chỉ giới hạn ở sách giáo khoa, việc dạy học không chỉ diễn ra ở trong phòng học. Tận dụng mọi khả năng, điều kiện để học sinh có thể tìm hiểu lịch sử ở bảo tàng, trên hiện trường lịch sử, các di tích lịch sử, được tiếp xúc, trao đổi với các nhân chứng, nhân vật lịch sử, được vận dụng những điều đã học vào việc hiểu các vấn đề thời sự quốc tế, đất nước, địa phương. Bước đầu rèn luyện hứng thú, ý thức và khả năng nghiên cứu lịch sử, phù hợp với trình độ và yêu cầu học tập của học sinh.

– Chú trọng rèn luyện các năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác cùng giải quyết các nhiệm vụ đặt ra cho học sinh bằng cách tổ chức làm việc theo nhóm, làm việc tay đôi.

Đổi mới phương pháp dạy học gắn liền với thiết bị dạy học, cần cung cấp đầy đủ ở mức cần thiết các thiết bị dạy học lịch sử nhằm thay đổi căn bản tình hình "dạy chay" phổ biến hiện nay, trong đó chú trọng các loại hình :

- Mô hình hiện vật, tranh, ảnh lịch sử, băng ghi âm lời nói của các nhân vật lịch sử,...
- Bản đồ, sơ đồ.
- Phim video.
- Phần mềm dạy học.

Việc thiết kế, sản xuất và sử dụng các thiết bị dạy học Lịch sử không phải theo định hướng minh họa bài giảng của giáo viên mà nhằm tạo ra các nguồn sử liệu phong phú, cụ thể, sinh động, giàu hình ảnh và giàu sức thuyết phục ; trên cơ sở đó, tổ chức các hoạt động học tập, tự tìm kiếm tri thức lịch sử của học sinh một cách tự lập, tích cực, sáng tạo. Cần quan tâm, chú ý tạo điều kiện cho học sinh làm việc trực tiếp với các thiết bị dạy học theo phương châm : Hãy để cho các giác quan của học sinh tiếp xúc nhiều hơn với các thiết bị dạy học, để cho các em suy nghĩ nhiều hơn, làm việc nhiều hơn và thể hiện mình nhiều hơn.

Các thiết bị dạy học hiện đại không đồng nghĩa với các thiết bị dạy học đắt tiền. Tính hiện đại của thiết bị dạy học thể hiện ở việc sử dụng các loại thiết bị sao cho đạt yêu cầu cao nhất trong việc thể hiện mục tiêu dạy học. Việc tìm kiếm, sản xuất các thiết bị dạy học Lịch sử phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương, của vùng, làm cho học sinh hứng thú học tập, phát huy tối đa tính

tích cực nhận thức của học sinh luôn luôn đóng vai trò quan trọng. Vì vậy, cần phối hợp việc cung cấp các thiết bị dạy học từ trên xuống với phong trào sưu tầm, xây dựng thiết bị dạy học "tự tạo" của học sinh, giáo viên và các lực lượng xã hội.

## **2. Về đánh giá kết quả học tập của học sinh**

Việc đánh giá kết quả học tập của học sinh cần bám sát mục tiêu dạy học của cấp học, đồng thời căn cứ vào chuẩn kiến thức, kỹ năng đã quy định trong chương trình.

Nội dung kiểm tra, đánh giá phải phù hợp với phạm vi, mức độ (về kiến thức, kỹ năng, thái độ) được quy định theo chương trình.

Kiểm tra miệng cần được tiến hành thường xuyên, linh hoạt ; có thể vào đầu tiết học để dẫn dắt vào nội dung mới, hoặc sử dụng kết quả tham gia thảo luận, đóng góp vào bài của học sinh trong quá trình học tập. Phát triển dần các hình thức kiểm tra khác, như thi trắc nghiệm, tự luận, thực hành,... để nâng cao trình độ nhận thức của học sinh.

Kiểm tra viết cần tiến hành có kế hoạch. Khuyến khích sử dụng kết quả làm việc của học sinh với các phiếu học tập, các bài tập trắc nghiệm. Chú trọng đánh giá các kết quả học tập ngoại khoá của học sinh như : sưu tầm, trưng bày tư liệu lịch sử theo chủ đề, viết báo cáo chuyên đề, phỏng vấn các nhân chứng lịch sử, nhân vật lịch sử,...

Các tiêu chí đánh giá (đáp án và thang điểm) cần được chuẩn bị cụ thể, rõ ràng và được công bố công khai đối với mọi học sinh. Cần tạo điều kiện để học sinh tham gia đánh giá kết quả học tập của các học sinh khác trong nhóm, trong lớp và tự đánh giá bản thân.

## **3. Về việc vận dụng chương trình theo vùng miền và các đối tượng học sinh**

Việc dạy và học môn Lịch sử ở các vùng miền, các trường chuyên biệt được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Cần đảm bảo để mọi học sinh đều đạt được chuẩn kiến thức, kỹ năng bộ môn. Những học sinh có năng khiếu về lịch sử hoặc có nhu cầu học Lịch sử sâu hơn, được khuyến khích và được tạo điều kiện để phát triển năng khiếu, đáp ứng nhu cầu của các em.